

玉山銀行同奈分行全球智匯網服務約定條款

Điều Khoản Dịch Vụ Ngân Hàng Điện Tử E.SUN (E.SUN eBanking)

Ngân hàng E.SUN, Chi nhánh Đồng Nai

立約定書人(以下簡稱立約人)茲為全球智匯網(以下簡稱網路銀行)服務之使用, 經與貴行協議, 並經立約人攜回審閱條款內容並充份了解後, 同意簽訂下列條款, 俾資遵守。立約人並了解本網路銀行服務係由貴行委由位於臺灣之總行(玉山銀行)資訊處開發, 伺服器亦架設於總行資訊處。立約人茲同意與貴行業務往來之相關資料可於網路銀行中進行歸戶查詢或由立約人進行轉帳/匯款業務。未來如有增減、變更條款內容時, 將於貴行營業場所或貴行網站公告, 立約人同意悉依變更後規定辦理。

Theo thỏa thuận với Ngân hàng và sau khi đọc và hiểu kỹ nội dung của các điều khoản đánh giá do bên ký kết cung cấp, Bên ký kết là người sử dụng dịch vụ E.SUN eBanking (sau đây gọi tắt là "ngân hàng trực tuyến") đồng ý ký kết các điều khoản sau đây cho việc tuân thủ thực hiện. Bên ký kết cũng hiểu rằng ngân hàng của bạn ("Ngân hàng") đã thuê ngoài việc triển khai dịch vụ ngân hàng trực tuyến này cho Phòng Công nghệ Thông tin tại trụ sở của Ngân hàng tại Đà Loan (Ngân hàng thương mại E.SUN), nơi lắp đặt máy chủ cho dịch vụ nói trên. Bên ký kết đồng ý rằng thông tin của tất cả các giao dịch trong tương lai với Ngân hàng có thể được tổng hợp để thực hiện truy vấn hoặc để chuyển tiền/ thực hiện chuyển tiền. Nếu có bất kỳ bổ sung, xóa hoặc thay đổi các điều khoản này trong tương lai, bên ký kết đồng ý rằng trong mọi trường hợp, các dịch vụ sẽ được xử lý theo các quy định đã thay đổi như được công bố tại cơ sở hoặc trên trang web của Ngân hàng.

第一條 /Điều 1 銀行資訊/Thông tin Ngân hàng

- 一、銀行名稱/Tên Ngân hàng: 玉山銀行越南同奈分行/Ngân hàng Thương mại E.SUN-CN Đồng Nai
- 二、客服專線/Số hotline dịch vụ khách hàng 24 giờ: +84-251-3671313
- 三、全球智匯網網址/Trang web Ngân hàng điện tử E.SUN: <https://gib.esunbank.com/VN/>
- 四、地址/Địa chỉ: 越南同奈省隆平坊 Amata 商業區 Amata 服務中心大樓 1-2 樓 101 及 209 室/ Phòng 101 & 209 lầu 1-2, TT TMDV Amata, KCN Amata, P. Long Bình, T. Đồng Nai.
- 五、銀行電子信箱/Thu điện tử Ngân hàng: <https://www.esunbank.com.tw/bank/about/services/customer/message-board>

第二條 /Điều 2 約定事項之適用範圍/Phạm vi Điều khoản

本約定條網路銀行業務服務之一般性共同約定, 除個別契約另有約定外, 悉依本約定之約定。

個別契約不得抵觸本約定。但個別契約對立約人之保護更有利者, 從其約定。

本契約條款如有疑義時, 應為有利於立約人之解釋。

Những điều khoản này là những điều khoản chung cho các dịch vụ ngân hàng trực tuyến; trừ khi có các điều khoản liên quan khác trong một thỏa thuận khác, trong mọi trường hợp, các vấn đề sẽ được xác định theo các điều khoản này.

Thỏa thuận riêng lẻ có thể không xung đột với các điều khoản này. Tuy nhiên, trường hợp các thỏa thuận riêng lẻ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho bên ký kết, thì sẽ áp dụng các điều khoản của các thỏa thuận riêng lẻ đó.

Bất kỳ điểm nghi ngờ nào trong thỏa thuận này sẽ được giải thích theo cách có lợi nhất cho bên ký kết.

第三條 /Điều 3 名詞定義/Giải thích thuật ngữ

「網路銀行業務」: 指立約人端電腦經由網路與貴行電腦連線, 無須親赴貴行櫃台, 即可直接取得貴行所提供之各項金融服務。

"Dịch vụ ngân hàng trực tuyến": là các dịch vụ tài chính khác nhau do Ngân hàng cung cấp; các dịch vụ này có thể được cung cấp trực tiếp qua máy tính kết nối Internet của bên ký kết và liên kết máy tính với Ngân hàng mà không cần đến trực tiếp quầy dịch vụ của Ngân hàng.

「電子文件」: 指貴行或立約人經由網路連線傳遞之文字、聲音、圖片、影像、符號或其他資料, 以電子或其他以人之知覺無法直接認識之方式, 所製成足以表示其用意之紀錄, 而供電子處理之用者。

"Tài liệu điện tử": có nghĩa là bất kỳ bản ghi văn bản, giọng nói, hình ảnh, video, ký hiệu hoặc dữ liệu khác ở dạng điện tử hoặc định dạng khác mà không thể hiểu trực tiếp được do Ngân hàng hoặc bên ký kết thông qua kết nối trực tuyến, trong đó các bản ghi đó là đủ để thể hiện ý nghĩa của người gửi và được dành cho quy trình xử lý điện tử.

「SoftToken」: 多因子裝置綁定驗證功能, 使用者使用綁定之行動裝置與密碼單之密碼與伺服器端進行驗證, 驗證完成後可依自行設定之交易驗證密碼進行交易之身分驗證。

"SoftToken": Cài đặt chức năng xác thực bảo mật nhiều yếu tố, người dùng cài đặt mật khẩu bảo mật đăng nhập APP và mật khẩu trong phiếu mã pin thực hiện xác thực với máy chủ, sau khi xác thực thành công mật khẩu, có thể tự cài đặt mật khẩu xác thực giao dịch, thực hiện xác thực thân phận khi giao dịch.

「Advanced OTP 裝置」(One Time Password, 簡稱「OTP」): 指一次性動態密碼之裝置, 其運作模式是由裝置內部晶片透過特殊演算法計算出一組動態密碼, 每一組數字都是唯一的, 且不可重覆使用, 產生之動態密碼係作為覆核交易放行之用。貴行所製發之 Advanced OTP 裝置亦屬此 OTP 裝置定義。「最高權限安控設備」: 指立約人向貴行申請之最高等級安控設備「目前為 SoftToken」, 立約人於網路銀行執行的轉帳限額及各類約定均以向貴行申請的最高權限安控設備而定。

"Thiết bị OTP" (One Time Password, viết tắt là "OTP"): Là mật khẩu chỉ sử dụng một lần. Chế độ hoạt động của nó là một bộ mật khẩu tự động được tính toán bởi chip bên trong của thẻ thông qua một thuật toán đặc biệt. Mỗi bộ của các số là duy nhất. Và nó không được sử dụng lại. Mật khẩu động đã tạo được sử dụng để xem xét việc giải phóng giao dịch. Thiết bị Advanced OTP do ngân hàng của bạn sản xuất cũng thuộc định nghĩa của thiết bị OTP này. "Thiết bị kiểm soát bảo mật đặc quyền cao nhất": Đề cập đến thiết bị kiểm soát bảo mật cấp cao nhất mà bên ký kết có được sau khi đăng ký với Ngân hàng; thiết bị này hiện bao gồm thiết bị OTP hoặc Chứng chỉ điện tử FXML và sẽ hoàn thành thiết bị kiểm soát bảo mật đặc quyền cao nhất mà bên ký kết có thể đăng ký tại Ngân hàng liên quan đến hạn mức chuyển khoản và các điều khoản khác nhau khi tham gia ngân hàng trực tuyến.

「SoftToken Number」: 指貴行發放予申請人 SoftToken 密碼單上之唯一序號。

"Số SoftToken": là số sê-ri duy nhất trên phiếu mật khẩu SoftToken mà Ngân hàng cấp cho người dùng.

「轉出帳戶」: 指立約人以書面或數位簽章方式向貴行表明作為支付各類交易相關款項之存款帳戶(定期性存款除外)。

"Tài khoản của người thanh toán": Đề cập đến một tài khoản tiền gửi (ngoài các tài khoản tiền gửi định kỳ) mà bên ký kết trình bày với Ngân hàng rằng tài khoản này sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản liên quan đến giao dịch khác nhau.

「授權人員」: 在網路銀行作業環境中, 代替立約人管理使用者權限並進行各類交易流程控制設定及業務往來約定之人員。

"Nhân viên được ủy quyền": Nhân viên trong môi trường điều hành ngân hàng trực tuyến, người quản lý quyền hạn của người dùng và thay mặt cho bên ký kết thực hiện các thiết lập kiểm soát thủ tục giao dịch khác nhau và điều khoản giao dịch kinh doanh.

「服務時間」: 指週一至週五上午八點半至下午三點三十分(越南), 惟銀行依規定對外停止營業之日除外。但部分交易因服務

之特殊性，服務時間依貴行網頁公告時間為準。貴行網路銀行因電腦系統暫停服務及結帳時間，得暫停立約人在網路銀行之各項服務。

“Giờ dịch vụ”: là thời gian từ 8:30 sáng đến 3:30 chiều (Việt Nam), từ thứ Hai đến thứ Sáu (trừ những ngày mà các ngân hàng phải tạm ngừng hoạt động theo quy định). Tuy nhiên, trong trường hợp một số giao dịch dịch vụ đặc biệt, giờ dịch vụ có thể bao gồm những lần được công bố trên trang web của Ngân hàng. Việc sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến của bên ký kết cũng có thể tạm ngưng nếu hệ thống máy tính của Ngân hàng tạm thời ngừng dịch vụ và thanh toán.

「自動化服務」：指立約人端電腦執行放行後即送達貴行電腦直接進行扣帳處理的交易服務。

“Dịch vụ tự động”: là các dịch vụ giao dịch trong đơn đặt hàng giao dịch ngay lập tức được gửi đến máy tính của Ngân hàng để ghi nợ ngay lập tức sau khi máy tính tại bên ký kết thực hiện phát hành.

「代表會員」：指接受立約人委託/於約定範圍內代/為處理與貴行間網路銀行業務之對象。

「Thành viên đại diện」：Là đối tượng nhận ủy quyền từ người ký kết theo phạm vi đã thỏa thuận để đại diện xử lý các nghiệp vụ ngân hàng trực tuyến với Ngân hàng.

「檔案上傳服務」：係指立約人上傳電子文件至網路銀行，並以安控設備放行電子文件交易指示之服務。

“Dịch vụ tải lên tập tin”： là dịch vụ mà người ký kết tải lên các tài liệu điện tử đến ngân hàng trực tuyến, đồng thời sử dụng thiết bị bảo mật để phê duyệt các chỉ thị giao dịch liên quan đến tài liệu điện tử.

第四條 /Điều 4 行動 CEO+服務/ Mobile CEO+ Dịch vụ

一、行動 CEO+服務，指以連結網際網路之行動載具或其他可上網之設備，登入網路銀行服務系統，即可直接取得貴行所提供之各項金融服務。

Mobile CEO+ Dịch vụ là dịch vụ tài chính mà khách hàng có thể truy cập trực tiếp thông qua các thiết bị di động hoặc thiết bị kết nối internet khác để đăng nhập vào hệ thống ngân hàng trực tuyến do Quý Ngân hàng cung cấp.

二、立約人申請行動 CEO+時需已為網路銀行會員，且於網路銀行完成申請，即可成為行動 CEO+會員並同意使用行動 CEO+服務，且已知悉貴行禁止遭破解(如:root、jailbreak、USB debugging等)之行動裝置登入使用行動 CEO+。

Người ký hợp đồng khi đăng ký Mobile CEO+ phải là thành viên của ngân hàng trực tuyến và hoàn tất đăng ký trên hệ thống ngân hàng trực tuyến để trở thành thành viên Mobile CEO+ và đồng ý sử dụng dịch vụ này. Người dùng cũng phải nhận thức và đồng ý rằng ngân hàng nghiêm cấm sử dụng các thiết bị bị khóa (như: root, jailbreak, USB debugging, v.v.) để đăng nhập và sử dụng Mobile CEO+.

三、行動 CEO+為延伸提供網路銀行服務，故使用方式、業務規範等均依照網路銀行規定辦理。

CEO di động + là sự mở rộng của dịch vụ ngân hàng trực tuyến, do đó cách sử dụng và các quy định nghiệp vụ sẽ tuân thủ theo quy định của ngân hàng trực tuyến.

四、網路銀行用戶需由貴行官方網站(https://www.esunbank.com)之連結或官方應用商店下載「玉山行動 CEO+」應用程式，iPhone 或 iPad 用戶請透過 App Store 下載；Android 用戶請透過 Google Play 下載以使用本項服務。若會員非經由上述貴行網站之連結或軟體使用行動 CEO+，致生資料外洩或其他損害，應自負其責任。

Người dùng ngân hàng trực tuyến cần tải ứng dụng “E.SUN CEO +” thông qua trang web chính thức của Quý Ngân hàng (https://www.esunbank.com) hoặc cửa hàng ứng dụng chính thức. Người dùng iPhone hoặc iPad vui lòng tải qua App Store; người dùng Android vui lòng tải qua Google Play để sử dụng dịch vụ này. Nếu thành viên sử dụng Mobile CEO+ không qua link hoặc phân mềm chính thức của Quý Ngân hàng dẫn đến rò rỉ dữ liệu hoặc thiệt hại khác thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm.

五、網路銀行用戶知悉如發現疑似偽冒、詐騙或不明之行動 CEO+應用程式，將盡速聯繫貴行；如有疑問，請洽玉山銀行同奈分行服務人員。

Người dùng ngân hàng trực tuyến cần biết rằng nếu phát hiện ứng dụng Mobile CEO+ có dấu hiệu giả mạo, lừa đảo hoặc không rõ nguồn gốc thì phải liên hệ ngay với Quý Ngân hàng. Nếu có thắc mắc, xin vui lòng liên hệ nhân viên phục vụ tại Ngân hàng Thương mại E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai.

第五條 /Điều 5 網頁之確認/Xác minh trang web

立約人使用網路銀行前，應先確認全球智匯網之正確網址：https://gib.esunbank.com 無誤，才使用網路銀行服務；如有疑問，請洽玉山銀行同奈分行，服務電話：+84-251-3671313。亦可透過「訪客留言版」進行反應或申訴，顧客留言或建議送出後將依業務項目傳送予專責經辦於規定時限內完成回覆，詳情請參考網址：

<https://www.esunbank.com.tw/bank/about/services/customer/message-board>。

貴行應盡善良管理人之義務，隨時注意有無偽造之網頁。

Trước khi sử dụng ngân hàng trực tuyến, bên ký kết phải xác nhận sử dụng đúng địa chỉ trang web Ngân hàng điện tử E.SUN eBanking: https://gib.esunbank.com. Nếu có bất kỳ nghi ngờ, vui lòng liên hệ với Ngân hàng Thương mại E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai (theo Số điện thoại: +84-251-3671313). Bạn cũng có thể sử dụng “Bảng tin của khách truy cập” để bình luận hoặc khiếu nại. Tin nhắn và đề xuất được gửi bởi khách hàng sẽ được chuyển đến người quản lý có trách nhiệm theo tính chất của dịch vụ liên quan và sẽ thực hiện phản hồi trong thời gian cần thiết. Vui lòng truy cập trang web sau để biết thêm thông tin chi tiết:

<https://www.esunbank.com.tw/bank/about/service/customer/message-board>.

Ngân hàng sẽ nỗ lực thực hiện sự chăm sóc chu đáo của một người quản lý tốt và sẽ liên tục tìm kiếm phát hiện để ngăn chặn bất kỳ trang web lừa đảo nào.

第六條 /Điều 6 連線所使用之網路/Mạng được sử dụng trực tuyến

貴行及立約人同意使用約定之網路進行電子文件傳輸。

Ngân hàng và bên ký kết đồng ý sử dụng mạng cụ thể để truyền tải tài liệu điện tử.

貴行及立約人應分別就各項權利義務關係與各該網路業者簽訂網路服務契約，並各自負擔網路使用之費用。

Ngân hàng và bên ký kết sẽ ký riêng hợp đồng dịch vụ mạng với các nhà mạng theo các mối quan hệ về quyền và nghĩa vụ tương ứng của họ và mỗi bên phải chịu trách nhiệm riêng về phí sử dụng mạng của mình.

第七條 /Điều 7 立約人資料之收集與應用/Thu thập và áp dụng dữ liệu của người ký kết

為提供本服務，立約人同意並承諾依各項服務規定，向貴行提供真實、正確、完整且最新之個人資料。立約人得自由選擇是否提供相關個人資料，惟立約人所拒絕提供之個人資料，如果是辦理業務審核或作業所需之資料，貴行可能無法進行必要之業務審核或作業而無法提供立約人相關服務或無法提供較佳之服務。

Để cung cấp dịch vụ này, người ký kết đồng ý và cam kết theo các quy định dịch vụ, ông Lâm Hồng Minh cung cấp thông tin cá nhân chân thực, chính xác, đầy đủ và cập nhật nhất. Người ký kết có quyền tự do lựa chọn có cung cấp dữ liệu cá nhân liên quan hay không, tuy nhiên nếu từ chối cung cấp dữ liệu cá nhân cần thiết cho việc xét duyệt hoặc xử lý nghiệp vụ, Ngân hàng có thể không thực hiện được các thủ tục xét duyệt hoặc xử lý cần thiết, dẫn đến không thể cung cấp dịch vụ liên quan hoặc không thể cung cấp dịch vụ tốt hơn cho người ký kết.

立約人同意貴行得依法或依主管機關要求，為提供服務及/或履行法定義務之目的，使用、儲存（包括但不限於記錄貴行與立

約人間關於服務之電話通話紀錄)、人之個人資訊。

Người ký kết đồng ý rằng Ngân hàng có thể theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý sử dụng, lưu trữ (bao gồm nhưng không giới hạn việc ghi lại các cuộc gọi điện thoại liên quan đến dịch vụ giữa Ngân hàng và người ký kết) thông tin cá nhân của họ nhằm mục đích cung cấp dịch vụ và/hoặc thực hiện nghĩa vụ theo pháp luật.

立約人開始使用本服務起，貴行得將立約人資訊及與服務相關之資料提供予第三方及/或代表貴行之個人或組織，以用於提供服務、研究及評估客戶之使用需求，以及雙方另行約定之其他目的，惟該第三方及/或個人或組織須與貴行訂立保密及資料安全協議，承諾依法且僅限於履約範圍內管理及使用該等資訊。

Kể từ khi người ký kết bắt đầu sử dụng dịch vụ này, Ngân hàng có thể cung cấp thông tin của người ký kết và các dữ liệu liên quan đến dịch vụ cho bên thứ ba và/hoặc các cá nhân hoặc tổ chức đại diện cho Ngân hàng, nhằm mục đích cung cấp dịch vụ, nghiên cứu và đánh giá nhu cầu sử dụng của khách hàng, cũng như các mục đích khác theo thỏa thuận giữa hai bên. Tuy nhiên, các bên thứ ba và/hoặc cá nhân hoặc tổ chức này phải ký thỏa thuận bảo mật và an toàn dữ liệu với Ngân hàng, cam kết quản lý và sử dụng các thông tin này theo quy định pháp luật và chỉ trong phạm vi thực hiện hợp đồng.

立約人承諾於任何個人資訊(包括但不限於電子郵件地址、手機號碼等)變更時，應立即以書面或貴行另行指定之方式通知貴行，無論該變更係因更換電話號碼、停止使用原通訊服務、終端設備遺失或其他原因所致。未主動通知貴行資訊變動所衍生之損失，立約人願自行承擔。

Người ký kết cam kết khi có bất kỳ thay đổi nào về thông tin cá nhân (bao gồm nhưng không giới hạn địa chỉ email, số điện thoại di động, v.v.), sẽ ngay lập tức thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản hoặc theo phương thức khác do Ngân hàng quy định, bất kể thay đổi đó do việc đổi số điện thoại, ngừng sử dụng dịch vụ liên lạc cũ, mất thiết bị đầu cuối hay các lý do khác. Người ký kết chấp nhận tự chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do không chủ động thông báo cho Ngân hàng về sự thay đổi thông tin.

立約人同意依貴行制定之《個人資料保護條款》(GENERAL PRINCIPLES ON PERSONAL DATA PROTECTION AND PROCESSING)及相關法令規定，行使相關權利並履行義務。

Người ký kết đồng ý thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan theo Điều khoản Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân do Ngân hàng ban hành (GENERAL PRINCIPLES ON PERSONAL DATA PROTECTION AND PROCESSING) và các quy định pháp luật có liên quan.

第八條

/Điều 8 電子文件之接收與回應/Biên nhận tài liệu điện tử và phản hồi

貴行接收含數位簽章或經貴行及立約人同意用以辨識身分之電子文件後，除查詢之事項外，貴行應提供該交易電子文件中重要資訊之網頁供立約人再次確認後，即時進行檢核及處理，並將檢核及處理結果，以雙方約定之方式通知立約人。

Khi Ngân hàng nhận được một tài liệu điện tử có chữ ký điện tử hoặc các phương tiện nhận dạng khác đã được thỏa thuận bởi Ngân hàng và bên ký kết, sau khi Ngân hàng đã cung cấp một trang web với đầy đủ thông tin quan trọng có trong tài liệu điện tử giao dịch đó cho bên ký kết để xác nhận lại, thì ngoài các truy vấn, Ngân hàng còn phải nhanh chóng thực hiện xác nhận và xử lý, đồng thời thông báo cho bên ký kết về kết quả xác nhận và xử lý bằng cách sử dụng phương thức mà hai bên đã thỏa thuận.

貴行或立約人接收來自對方任何電子文件，若無法辨識其身分或內容時，視為自始未傳送。但貴行或立約人可確定他方身分時，應立即將內容無法辨識之事實，以雙方約定之方式通知他方。

Khi Ngân hàng hoặc bên ký kết nhận được một tài liệu điện tử từ bên kia, nếu người nhận không thể xác định danh tính hoặc nội dung, tài liệu đó sẽ được coi là không được giao. Tuy nhiên, nếu Ngân hàng hoặc bên ký kết có thể xác định danh tính của bên kia, họ sẽ thông báo ngay cho bên kia về việc không thể xác định nội dung sử dụng phương thức mà hai bên đã thỏa thuận.

貴行對於合理懷疑其內容、授權、來源及未遵守程序之通訊得拒絕執行，且應可能以電話或其他方式將此等被拒之資料訊息通知立約人。

Trường hợp Ngân hàng có thể từ chối thực hiện bất kỳ tài liệu điện tử nào nếu có những nghi ngờ hợp lý liên quan đến nội dung, ủy quyền, nguồn gốc của văn bản đó hoặc không xác nhận các thủ tục và có thể sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện khác để thông báo cho bên ký kết về việc từ chối thực hiện.

第九條

/Điều 9 電子文件之不執行/Không thực hiện các tài liệu điện tử

如有下列情形之一，貴行得不執行任何接收之電子文件：

Ngân hàng có thể chọn không thực hiện tài liệu điện tử mà Ngân hàng đã nhận được trong bất kỳ trường hợp nào sau đây:

一、有具體理由懷疑電子文件之真實性或所指定事項之正確性者。

Nghi ngờ có cơ sở tính xác thực của tài liệu điện tử hoặc tính chính xác của các vấn đề trong tài liệu điện tử.

二、貴行依據電子文件處理，將違反相關法令之規定者。

Hành động của Ngân hàng được thực hiện trên cơ sở tài liệu điện tử sẽ vi phạm luật pháp có liên quan.

三、貴行因立約人之原因而無法於帳戶扣取立約人所應支付之費用者。

Vì một số lý do được quy cho bên ký kết, Ngân hàng không thể trích nợ số tiền mà bên ký kết muốn thanh toán từ tài khoản tương ứng.

貴行不執行前項電子文件者，應同時將不執行之理由及情形通知立約人，立約人受通知後得以電話向貴行確認。

Khi Ngân hàng không thực hiện bất kỳ tài liệu điện tử nào đã nói ở trên, Ngân hàng phải đồng thời thông báo cho bên ký kết về lý do và hoàn cảnh không thực hiện; khi nhận được thông báo, bên ký kết có thể gọi điện đến Ngân hàng để xác nhận tài liệu điện tử.

第十條

/Điều 10 電子文件交換作業時限/Thời hạn đối với các hành động được thực hiện theo tài liệu điện tử

電子文件係由貴行電腦自動處理，立約人發出電子文件傳送至貴行後即不得撤回、撤銷或修改。但未到期之預約交易在貴行規定之期限內，得撤回、撤銷或修改。

若電子文件經由網路傳送至貴行後，於貴行電腦自動處理中已逾貴行服務時間時，貴行應即以電子文件通知立約人，該筆交易將依約定不予處理，或自動改於次一銀行營業日(交易日)處理。

Nếu một tài liệu điện tử được tự động xử lý bằng máy tính của Ngân hàng, thì tài liệu điện tử được bên ký kết gửi cho Ngân hàng có thể không bị thu hồi, rút lại hoặc sửa đổi. Tuy nhiên, các giao dịch được sắp xếp trước chưa hết hạn vẫn còn trong khoảng thời gian được quy định trong các quy định của Ngân hàng có thể bị thu hồi, rút lại hoặc sửa đổi.

Khi tài liệu điện tử được gửi tới Ngân hàng qua mạng Internet, nếu thời điểm máy tính của Ngân hàng tự động xử lý tài liệu đó sau giờ dịch vụ của Ngân hàng, Ngân hàng sẽ thông báo cho bên ký kết bằng một tài liệu điện tử và giao dịch sẽ không được xử lý, hoặc sẽ được tự động xử lý trong ngày làm việc tiếp theo của Ngân hàng theo thỏa thuận.

立約人於註銷網路銀行使用後，於註銷前所為之預約交易，貴行得逕予撤銷。

Khi bên ký kết hủy bỏ việc sử dụng ngân hàng trực tuyến, Ngân hàng có thể hủy ngay lập tức mọi giao dịch được chuẩn bị trước trước thời điểm hủy.

第十一條

/Điều 11 SoftToken 申請/Đăng ký Chứng chỉ điện tử

立約人為使用 SoftToken 功能於貴行網路銀行平台進行交易，同意下列約定事項：

Người dùng sử dụng chức năng SoftToken để làm giao dịch trên nền tảng của Ngân Hàng trực tuyến của E.sun, đồng ý các quy định dưới đây

- 一、需由貴行官方網站(<https://www.esunbank.com>)之連結並下載貴行提供之軟體(如智慧型手機應用軟體)使用行動 CEO+。若非經由上述貴行網站之連結或下載使用行動 CEO+，致生資料外洩或其他損害，應自負其責任。
Khách hàng cần liên kết đến trang web chính thức của ngân hàng (<https://www.esunbank.com>) và tải xuống phần mềm do ngân hàng cung cấp (chẳng hạn như phần mềm ứng dụng trên điện thoại thông minh) để sử dụng phần mềm “CEO +”. Nếu khách hàng không truy cập bằng trang web nêu trên để tải xuống phần mềm “CEO +” theo đường link được cung cấp thì khi phát sinh bất kỳ vấn đề gì về rò rỉ thông tin hay bất kỳ tổn hại nào khác, Khách hàng sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- 二、SoftToken 使用範圍：立約人申請時，立約人知悉使用範圍包括交易與登入驗證之用途。
Phạm vi sử dụng SoftToken: Khi đăng ký, người ký kết hiểu rằng phạm vi sử dụng bao gồm mục đích xác thực giao dịch và đăng nhập.
- 三、SoftToken 功能：立約人同意申請貴行 SoftToken 核發之密碼單，需透過行動 CEO+APP 進行登入驗證，並依照貴行指定方式支付相關費用。
Chức năng SoftToken: Người ký kết đồng ý khi đăng ký thì sẽ nhận mã mật khẩu SoftToken do Ngân hàng cấp, cần thực hiện xác thực đăng nhập qua ứng dụng CEO+ trên điện thoại di động, và thực hiện thanh toán các khoản phí liên quan theo phương thức do Ngân hàng quy định.
- 四、立約人同意申請的 SoftToken 密碼單依貴行指定方式提供。
Bên ký kết đồng ý cung cấp phiếu mật khẩu cho thiết bị SoftToken mà chứng chỉ điện tử được tải theo phương thức do Ngân hàng chỉ định.
- 五、立約人同意詳細閱讀貴行於申請過程及貴行網頁中提供之各類訊息，並同意遵守各訊息內所揭示之約定及貴行之相關規定。
Trong quá trình nộp đơn, bên ký kết đồng ý đọc kỹ các loại thông tin khác nhau do Ngân hàng và cơ quan cấp chứng chỉ cung cấp trên trang web của Ngân hàng, đồng thời đồng ý tuân thủ các điều khoản được tiết lộ trong thông tin này và các quy định liên quan của Ngân hàng.
- 六、立約人於 SoftToken 功能使用期間，因各種原因申請 SoftToken 功能之註銷，不得要求貴行退還 SoftToken 密碼單費用。
Nếu bên ký kết đăng ký hủy chứng chỉ vì bất kỳ lý do gì trong thời gian chứng chỉ vẫn còn hiệu lực, thì bên ký kết không thể yêu cầu Ngân hàng hoàn trả phí chứng chỉ.
- 七、立約人同意妥善保管已申請核發之有效 SoftToken 密碼單，使用期間如因故毀損無法使用得向貴行重新申請，並支付相關辦理費用。
Bên ký kết đồng ý tuân thủ chứng chỉ điện tử hợp lệ mà bên đó đã đăng ký để bảo quản an toàn đúng cách; bên ký kết có thể nộp đơn lại cho Ngân hàng để cấp lại chứng chỉ nếu Chứng chỉ điện tử hiện tại không sử dụng được do bị hư hỏng trong thời gian sử dụng và bên ký kết phải trả phí xử lý liên quan.
- 八、貴行保有最終核發 SoftToken 密碼單的權限。
Ngân hàng giữ quyền cuối cùng phê duyệt hoặc từ chối đơn xin cấp chứng chỉ.

第十二條 /Điều 12 SoftToken 密碼單遺失或功能異常/Làm mất hoặc Sự bất thường của Chứng chỉ điện tử

立約人知悉其向貴行所申請之 SoftToken 密碼單遺失或功能異常時，立約人應即通知貴行並於網路銀行申請 SoftToken 功能暫禁；立約人於 SoftToken 功能暫禁指示前已為之交易，均視為立約人所為之有效指示，貴行無須負任何責任。

Khi Khách hàng phát hiện mật khẩu SoftToken bị thiếu hoặc có chức năng bất thường, khách hàng phải thông báo cho ngân hàng ngay lập tức và áp dụng lệnh tạm khóa chức năng SoftToken thông qua ngân hàng trực tuyến; tất cả các giao dịch mà khách hàng đã thực hiện trước khi tạm khóa chức năng SoftToken vẫn sẽ có hiệu lực bình thường và Ngân hàng sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm gì về những giao dịch này.

如立約人未能明確表達該遺失 SoftToken 密碼單所代表之 SoftToken Number 致貴行無法為特定 SoftToken Number 之停用時，為確保立約人之權益，立約人特此授權貴行得就特定用戶代碼下之全部 SoftToken Number 為停用，惟因停用所致之不便及全部損失，貴行不負任何責任。

Nếu khách hàng không thể hiện rõ ràng Số SoftToken được đại diện bởi bảng mật khẩu SoftToken bị thiếu và ngân hàng không thể hủy kích hoạt Số SoftToken cụ thể, để đảm bảo quyền và lợi ích của khách hàng, theo đây khách hàng ủy quyền cho ngân hàng lấy tất cả SoftTokens theo mã người dùng được chỉ định. Số bị vô hiệu, nhưng ngân hàng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm nào về sự bất tiện và mọi tổn thất do bị vô hiệu hóa.

立約人通知貴行 SoftToken 密碼單遺失後復尋得或立約人確定已恢復正常功能者，應親向貴行辦理解禁；惟如該 SoftToken 功能已註銷者，則不得回復其效力，立約人應向貴行辦理重新申請 SoftToken 密碼單等事宜。

Trong trường hợp sau khi thông báo cho Ngân hàng về việc mất chứng chỉ, bên ký kết tìm thấy chứng chỉ hoặc nếu bên ký kết xác nhận rằng hoạt động bình thường của thiết bị hoặc chứng chỉ đã được khôi phục, cá nhân phải yêu cầu Ngân hàng gỡ bỏ việc tạm ngừng chứng chỉ. Tuy nhiên, nếu bên ký kết đã nộp đơn xin hủy chứng chỉ, thì không thể khôi phục được hiệu lực của chứng chỉ và bên ký kết phải nộp đơn lại cho Ngân hàng để lấy chứng chỉ.

第十三條 /Điều 13 Advanced OTP 裝置申請 Đăng ký thiết bị Advanced OTP

立約人為使用 Advanced OTP 裝置於貴行網路銀行平台或行動 CEO+進行交易覆核放行，同意下列約定事項：

Để sử dụng thiết bị Advanced OTP hoặc thiết bị Mobile CEO+ trên nền tảng Ngân hàng trực tuyến phát hành và duyệt giao dịch, bên ký kết đồng ý với các quy định như sau:

- 一、Advanced OTP 裝置申請及更新：立約人同意申請貴行 Advanced OTP 裝置，並依照貴行指定方式支付相關費用或授權貴行於 Advanced OTP 裝置申請或更新時，由立約人指定之帳戶扣取相關費用。
Đăng ký thiết bị Advanced OTP và cập nhật: Bên ký kết đồng ý đăng ký Thiết bị Advanced OTP và thanh toán các khoản phí liên quan theo phương thức do Ngân hàng chỉ định hoặc ủy quyền cho Ngân hàng khấu trừ các khoản phí liên quan trích từ tài khoản do bên ký kết chỉ định khi đăng ký hoặc cập nhật thiết bị Advanced OTP.
- 二、Advanced OTP 裝置使用範圍：立約人於 Advanced OTP 裝置申請時，應另與貴行逐一約定每台 Advanced OTP 裝置使用範圍，於立約人指定範圍內 Advanced OTP 裝置始生效力。使用範圍之分類與界定依本服務約定條款所載為準。
Phạm vi sử dụng thiết bị Advanced OTP: Khi đăng ký thiết bị Advanced OTP, bên ký kết sẽ thỏa thuận riêng với Ngân hàng về phạm vi sử dụng thiết bị Advanced OTP. Thiết bị Advanced OTP có hiệu lực trong phạm vi được chỉ định. Việc phân loại và xác định phạm vi sử dụng phải tuân theo các quy định của Thỏa thuận dịch vụ này.
- 三、立約人同意詳細閱讀貴行於申請過程及貴行網頁中提供之各類訊息，並同意遵守各訊息及本服務約定條款所揭示之約定。
Bên ký kết đồng ý đọc kỹ các tất cả các thông tin do Ngân hàng cung cấp trong quá trình đăng ký và các thông tin trên trang Web của Ngân hàng. Đồng thời, đồng ý tuân theo các thỏa thuận trong thông tin và các điều khoản theo thỏa thuận này.
- 四、立約人於 Advanced OTP 裝置使用有效期限內，因各種原因申請 Advanced OTP 裝置之註銷，不得要求貴行退還 Advanced

OTP 裝置費用。

Nếu bên ký vì bất kỳ lý do gì mà xin hủy bỏ thiết bị Advanced OTP trong thời gian còn hiệu lực, thì Ngân hàng sẽ không hoàn lại phí thiết bị Advanced OTP.

- 五、立約人同意妥善保管已申請核發之 Advanced OTP 裝置，使用期間如因電池耗損或其他原因致無法使用，得向貴行重新申請，並支付相關辦理費用。

Bên ký đồng ý sẽ bảo quản đúng cách thiết bị OTP sau khi đã được cấp. Nếu trong thời gian sử dụng mà thiết bị không dùng được do chai pin hoặc lý do nào khác, thì có thể đăng ký cấp lại và thanh toán các khoản phí xử lý liên quan.

- 六、貴行保有最終核發 Advanced OTP 裝置申請的權限，惟應將拒絕核發 Advanced OTP 之事由告知立約人。

Ngân hàng có quyền quyết định cuối cùng về việc đăng ký Thiết bị Advanced OTP, tuy nhiên bên ký sẽ được thông báo về lý do từ chối cấp Advanced OTP.

第十四條 /Điều 14 Advanced OTP 裝置之遺失 Thất lạc thiết bị Advanced OTP

立約人知悉其向貴行所申請之 Advanced OTP 裝置遺失時，立約人應即通知貴行並於網路銀行中進行 Advanced OTP 裝置暫禁；立約人同意於 Advanced OTP 裝置暫禁指示前已為之交易，均視為立約人所為之有效指示，除可歸責於貴行事由所致者，立約人願自行負責。

立約人向貴行通知裝置遺失亦可親至貴行辦理 Advanced OTP 裝置暫禁之作業。如立約人未能明確表達該遺失卡片所代表之 Advanced OTP 裝置序號，致貴行無法為特定 Advanced OTP 裝置之停用時，為確立立約人之權益，立約人特此授權貴行得就特定用戶代碼下之全部 Advanced OTP 裝置為停用，因停用所致之不便及全部損失，除可歸責於貴行事由所致者，立約人願自行承擔。

立約人通知貴行 Advanced OTP 裝置遺失後復尋得者，應親至貴行辦理 Advanced OTP 裝置解禁；惟如該 Advanced OTP 裝置業已申請註銷者，則不得回復其效力，立約人應向貴行辦理重新申請 Advanced OTP 裝置等事宜。

Khi bên ký phát hiện thiết bị Advanced OTP đã được Ngân hàng cấp cho bị thất lạc, phải lập tức thông báo cho Ngân hàng để tạm dừng các thiết bị Advanced OTP trên hệ thống Ngân hàng trực tuyến. Bên ký đồng ý rằng trước khi thiết bị Advanced OTP bị tạm ngừng sử dụng mà có phát sinh giao dịch thì vẫn được xem là giao dịch hợp lệ và khách hàng sẽ tự chịu trách nhiệm.

Bên ký sau khi thông báo về việc thất lạc cũng có thể trực tiếp đến Ngân hàng để xử lý việc tạm ngừng Advanced OTP. Nếu bên ký không biểu đạt rõ ràng mã số thiết bị Advanced OTP bị mất dẫn đến Ngân hàng của bạn không thể hủy kích hoạt thiết bị Advanced OTP. Để đảm bảo quyền và lợi ích của bên ký theo đây sẽ ủy quyền cho Ngân hàng tạm ngừng sử dụng tất cả các Advanced OTP hiện có. Bên ký kết đồng ý chịu mọi sự bất tiện và tổn thất từ việc tạm ngừng sử dụng Advanced OTP.

Bên ký thông báo với Ngân hàng về việc thất lạc và tìm lại được thì nên đến Ngân hàng để xử lý việc Khôi phục. Tuy nhiên nếu thiết bị Advanced OTP đã bị hủy bỏ thì sẽ không còn hiệu lực nữa. Bên ký phải đăng ký cấp mới thiết bị Advanced OTP.

第十五條 /Điều 15 費用/Phí

立約人自使用本約定服務之日起，願依約定收費標準繳納 SoftToken / Advanced OTP 密碼單申請費、服務費、手續費及郵電費等相關費用，並授權貴行自立約人之帳戶內自動扣繳。

Bên ký kết phải đồng ý thanh toán phí đăng ký mật khẩu Soft Token/ Advanced OTP, phí dịch vụ, phí xử lý và phí bưu chính, v.v. (bao gồm nhưng không giới hạn thiết bị phát hành kiểm soát bảo mật, gia hạn chứng chỉ và phí dịch vụ lắp đặt) được đánh giá theo mức phí tiêu chuẩn đã thỏa thuận từ ngày bắt đầu các dịch vụ theo thỏa thuận này và sẽ ủy quyền cho Ngân hàng tự động trích nợ các khoản thanh toán từ tài khoản của bên ký kết.

前項收費標準於訂約後如有調整者，貴行應於調整日三十日前於貴行網站同奈分行專區公告其調整之內容，同時告知立約人得於該期間內終止使用，逾期未辦理終止契約者，推定承認相關費用調整內容。

Nếu các mức phí tiêu chuẩn trong đoạn trên đã được thay đổi, Ngân hàng phải thông báo nội dung điều chỉnh trên trang web của Ngân hàng tại khu vực Chi nhánh Đồng Nai ít nhất 30 ngày trước khi điều chỉnh và Ngân hàng cũng sẽ thông báo cho bên ký kết rằng họ có thể chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; sẽ giá định rằng các bên ký kết không chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đã chấp nhận điều chỉnh phí.

立約人應繳納之稅捐，應依本契約交易立約人應繳納之稅捐法令規定辦理，並授權貴行自立約人帳戶內自動扣繳。

Các khoản thuế mà bên ký kết phải nộp sẽ được xử lý theo luật thuế điều chỉnh các loại thuế mà bên ký kết phải chịu khi thực hiện các giao dịch theo thỏa thuận này và bên ký kết phải ủy quyền cho Ngân hàng tự động trích nợ thuế từ hợp đồng tài khoản của bên ký kết.

第十六條 /Điều 16 立約人軟硬體安裝與風險/Cài đặt phần cứng/phần mềm của bên ký kết và các rủi ro

立約人申請使用本約定之服務項目，應自行安裝所需之電腦軟體、硬體，以及其他與安全相關之設備。安裝所需之費用及風險，由立約人自行負擔。

Khi đăng ký sử dụng các dịch vụ theo thỏa thuận này, bên ký kết phải cài đặt phần cứng máy tính, phần mềm và các thiết bị liên quan đến bảo mật khác và phải chịu mọi chi phí và rủi ro phát sinh.

第一項軟硬體設備及相關文件如係由貴行所提供，貴行僅同意立約人於約定服務範圍內使用，不得將之轉讓、轉借或以任何方式交付第三人。

因立約人之行為侵害貴行或第三人之智慧財產權或其他權利，或因不當之操作使用致生損害時，立約人應自負其責任。

Nếu lô phần cứng/phần mềm và tài liệu liên quan đầu tiên được Ngân hàng cung cấp, Ngân hàng quy định rằng bên ký kết chỉ có thể sử dụng các hạng mục đó trong phạm vi dịch vụ đã thỏa thuận và không được chuyển nhượng, cho mượn hoặc sử dụng các phương tiện khác để bàn giao các hạng mục đó cho một bên thứ ba.

立約人如因電腦操作需要而安裝其他軟硬體，有與貴行所提供之軟硬體設備併用之必要者，應遵守貴行所提供安裝之相關資料，並自行負擔其費用及風險。

Bên ký kết phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu thực hiện hành động xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc các quyền khác của Ngân hàng hoặc bên thứ ba, hoặc nếu hoạt động hoặc sử dụng không đúng cách gây ra hậu quả.

使用全球智匯網銀行服務的設備環境建議，請參考 <https://gib.esunbank.com/> 下方常見問題專區

Để xuất môi trường thiết bị sử dụng dịch vụ Ngân hàng trực tuyến, vui lòng tham khảo mục Câu hỏi thường gặp ở cuối trang <https://gib.esunbank.com/>

第十七條 /Điều 17 立約人連線與責任/Sử dụng trực tuyến và trách nhiệm của Bên ký kết

電子信箱約定或異動之相關作業事項悉依貴行下列規定辦理：

Các công việc liên quan đến thỏa thuận hoặc thay đổi địa chỉ email sẽ được thực hiện theo các quy định sau của Ngân hàng.

- 一、立約人瞭解並保證其與貴行約定留存、異動之電子郵件信箱確實為立約人所使用，並同意為保障網路銀行用戶權益，貴行得檢視前述之電子郵件信箱是否有與他人於貴行約定留存、異動之電子郵件信箱相同，倘有相同，網路銀行用戶同意貴行得向立約人確認電子郵件信箱相同之原因後留存相關紀錄。

Người ký kết hiểu và đảm bảo rằng địa chỉ email được thỏa thuận lưu giữ hoặc thay đổi với Ngân hàng thực sự do người ký kết sử dụng, và đồng ý rằng để bảo vệ quyền lợi của người dùng ngân hàng trực tuyến, Ngân hàng có thể kiểm tra xem địa chỉ email trên có trùng với địa chỉ email do người khác thỏa thuận lưu giữ hoặc thay đổi với Ngân hàng hay không. Nếu trùng, người dùng ngân hàng trực tuyến đồng ý để Ngân hàng xác nhận lý do trùng địa chỉ email với người ký kết và lưu giữ các hồ sơ liên quan.

- 二、立約人與貴行約定留存、異動之電子信箱須經貴行之電子信箱有效性驗證，貴行之電子信箱有效性驗證有效區間為自驗證信發送起 72 小時內有效，立約人同意配合完成貴行之電子信箱有效性驗證，並瞭解須完成前述之驗證後(如回覆貴行發送之電子信箱驗證信)，始屬完成電子信箱之留存、變更程序，如未於前述指定期間內完成前述驗證者，立約人需重新進行電子信箱之留存、變更程序。

Địa chỉ email do người ký kết và Ngân hàng thỏa thuận lưu giữ hoặc thay đổi phải được Ngân hàng xác minh tính hợp lệ của email. Thời hạn hiệu lực của việc xác minh email của Ngân hàng là trong vòng 72 giờ kể từ khi thư xác minh được gửi đi. Người ký kết đồng ý phối hợp hoàn thành việc xác minh tính hợp lệ email của Ngân hàng và hiểu rằng chỉ khi hoàn thành việc xác minh (chẳng hạn như phân hồi thư xác minh email do Ngân hàng gửi) mới được coi là hoàn tất thủ tục lưu giữ hoặc thay đổi email. Nếu không hoàn thành việc xác minh trong thời gian quy định nêu trên, người ký kết phải thực hiện lại thủ tục lưu giữ hoặc thay đổi email.

- 三、立約人同意如為網路銀行新申請用戶，需完成電子信箱有效性驗證後始得進行登入，既有用戶申請異動電子信箱，如未完成驗證視為異動未完成，貴行仍以原留存電子信箱做為通知使用。

Người ký kết đồng ý rằng nếu là người dùng mới đăng ký dịch vụ ngân hàng trực tuyến, phải hoàn tất xác minh tính hợp lệ của địa chỉ email trước khi được phép đăng nhập. Đối với người dùng hiện hữu có yêu cầu thay đổi địa chỉ email, nếu không hoàn thành việc xác minh thì xem như việc thay đổi chưa được hoàn tất, Ngân hàng sẽ tiếp tục sử dụng địa chỉ email đã lưu trước đó làm phương tiện thông báo.

立約人使用網路銀行時，為控管交易安全，僅得憑貴行核發之網路銀行 SoftToken 及 Advanced OTP 裝置辦理轉帳等交易。

Khi sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến, để kiểm soát an toàn giao dịch, người ký kết chỉ được phép thực hiện các giao dịch chuyển khoản và các giao dịch khác bằng thiết bị SoftToken và Advanced OTP do Ngân hàng cấp phát.

申請網路銀行一般服務、初始密碼單(包括使用權限被註銷後重新申請)及 SoftToken / Advanced OTP 密碼單之申請，以立約人之立約印鑑代表歸戶約定；網路銀行轉帳服務須以立約人該約定轉出帳號之立約印鑑約定之。

Ứng dụng của Các dịch vụ chung của Ngân hàng trực tuyến, các phiếu mật khẩu ban đầu (bao gồm đăng ký lại sau khi bị hủy bỏ), đăng ký mới Soft Token/ Advanced OTP. Mẫu con dấu bên ký thể hiện sự đồng ý; dịch vụ chuyển khoản ngân hàng trực tuyến phải được sự đồng ý của các bên và có mẫu dấu trên Thỏa thuận chuyển khoản thông qua Ngân hàng Trực tuyến.

貴行提供予立約人之使用者名稱及密碼僅限於首次登入使用，立約人須先更改使用者名稱及密碼後，才能使用約定或其他之服務，此後並得隨時自行變更使用者名稱及密碼；SoftToken /Advanced OTP 之密碼立約人願自行變更後再使用。本服務之密碼變更作業事項依下列規定辦理：

Tên đăng nhập và mật khẩu do Ngân hàng cung cấp cho người ký kết chỉ được sử dụng cho lần đăng nhập đầu tiên. Người ký kết phải thay đổi tên đăng nhập và mật khẩu trước khi có thể sử dụng các dịch vụ đã thỏa thuận hoặc các dịch vụ khác; sau đó, người ký kết có thể tự do thay đổi tên đăng nhập và mật khẩu bất cứ lúc nào. Mật khẩu của SoftToken/Advanced OTP người ký kết sẽ tự thay đổi trước khi sử dụng. Việc thay đổi mật khẩu cho dịch vụ này sẽ được thực hiện theo các quy định dưới đây:

- 一、未啟用授權功能之立約人，登入網路銀行之使用者名稱連續錯誤 5 次，系統將凍結網路銀行使用權限，隔天重新開放。

Khi một bên ký kết không kích hoạt tính năng ủy quyền nhập tên người dùng đăng nhập ngân hàng trực tuyến của mình không chính xác 5 lần liên tiếp, hệ thống sẽ đóng băng quyền của người dùng ngân hàng trực tuyến của bên ký kết và các quyền này sẽ không được mở cho đến ngày hôm sau.

- 二、使用者密碼連續錯誤 5 次或申請後 30 天內未首次登入使用，系統將自動暫停網路銀行使用權限，立約人須向貴行申請密碼重設後始得繼續使用。

Nếu mật khẩu người dùng đã nhập sai 5 lần liên tiếp hoặc trong vòng 30 ngày sau thời gian đăng ký, người dùng không hoàn thành lần đăng nhập đầu tiên, hệ thống sẽ tự động tạm thời cấp phép sử dụng ngân hàng trực tuyến, trong trường hợp đó bên ký kết hợp đồng phải nộp đơn cho Ngân hàng để đặt lại mật khẩu trước khi tiếp tục sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến.

- 三、載具、OTP/Advanced OTP 裝置之密碼連續輸入錯誤 5 次，系統將自動暫禁載具、OTP/Advanced OTP 裝置之使用權限，立約人須向貴行申請密碼重設或解禁後始得繼續使用。

Khi mật khẩu của chứng thư số hoặc thiết bị OTP/Advanced OTP bị nhập sai liên tiếp 5 lần, hệ thống sẽ tự động tạm khóa quyền sử dụng chứng thư số và thiết bị OTP/Advanced OTP. Người ký kết phải nộp đơn yêu cầu với Ngân hàng để đặt lại mật khẩu hoặc mở khóa mới có thể tiếp tục sử dụng.

- 四、登入手動 CEO+之圖形密碼連續錯誤 3 次，系統將自動註銷該密碼，倘立約人欲重啟圖形密碼之登入方式，需另以使用者名稱及密碼登入手動 CEO+，並重新設定。

Nếu mật mã hình ảnh đăng nhập vào ứng dụng CEO+ bị nhập sai liên tiếp 3 lần, hệ thống sẽ tự động hủy mật mã đó. Trong trường hợp người ký kết muốn khởi động lại phương thức đăng nhập bằng mật mã hình ảnh, cần đăng nhập lại vào ứng dụng CEO+ bằng tên đăng nhập và mật khẩu, sau đó thiết lập lại mật mã hình ảnh.

- 五、立約人同意若於一年內均未使用本項服務時，貴行得終止本項服務。

Bên ký kết đồng ý rằng, Ngân hàng có thể chấm dứt dịch vụ này nếu không sử dụng dịch vụ trong vòng một năm.

- 六、立約人之使用權限經註銷後，若日後仍有需要，應重新申請。

Bên ký kết phải đăng ký lại dịch vụ trong trường hợp yêu cầu kích hoạt dịch vụ sau khi quyền của người dùng đã bị hủy.

- 七、為降低風險，立約人應不定期變更密碼，並應以難以猜測(例如：在設定新密碼時，建議勿選用如出生日期、電話號碼或網路銀行用戶姓名中可認知的部份等資料)，且網路銀行密碼不作為其他網路服務使用為設定原則。立約人不應向任何人透露、分享及容許獲得或使用網路銀行密碼，亦不應直接寫下或記錄密碼而不加掩飾，且不應將網路銀行密碼寫在載具或 OTP 裝置上或將網路銀行密碼與載具或 OTP 裝置置於同處。

Để giảm thiểu rủi ro, người ký kết nên thay đổi mật khẩu định kỳ và nên đặt mật khẩu khó đoán (ví dụ: khi thiết lập mật khẩu mới, khuyến nghị không chọn các thông tin dễ nhận biết như ngày sinh, số điện thoại hoặc phần tên người dùng dịch vụ ngân hàng trực tuyến). Mật khẩu ngân hàng trực tuyến không được sử dụng cho các dịch vụ mạng khác. Người ký kết không được tiết lộ, chia sẻ hoặc cho phép bất kỳ ai biết hoặc sử dụng mật khẩu ngân hàng trực tuyến; cũng không được viết hoặc ghi lại mật khẩu một cách trực tiếp mà không che chắn. Đồng thời, không được viết mật khẩu ngân hàng trực tuyến lên phương tiện lưu trữ hay thiết bị OTP, cũng không được để mật khẩu cùng với phương tiện lưu trữ hoặc thiết bị OTP ở cùng một nơi.

- 八、轉出帳號(放行機制為 SoftToken / Advanced OTP)：須逐戶約定，每日動用金額需約定最高上限(以美金計算)，每一轉出帳號的每日轉出上限為等值美金五仟萬元，每一轉出帳號獨立累計動用金額，不互相影響。

Tài khoản của người thanh toán(Cơ chế Phát hành Giao dịch là SoftToken/ Advanced OTP): Mỗi tài khoản sẽ có một thỏa thuận riêng. Phải thiết lập giới hạn trên cho số tiền có thể sử dụng hàng ngày (bằng USD) và mỗi tài khoản của người thanh toán phải có số tiền có thể sử dụng tích lũy độc lập, sẽ không có ảnh hưởng lẫn nhau giữa số tiền có thể sử dụng của tài khoản.

立約人申請 SoftToken, 須先下載並開啟行動 CEO+APP, 始得開始綁定行動裝置。相關作業事項依下列規定辦理：

Người ký kết khi đăng ký SoftToken phải tải xuống và mở ứng dụng CEO+ trên điện thoại di động trước, sau đó mới có thể bắt đầu liên kết thiết bị di động. Các thủ tục liên quan sẽ được thực hiện theo các quy định dưới đây:

一、每支行動裝置僅可綁定一組 SoftToken Number。

Mỗi thiết bị di động chỉ được liên kết với một mã SoftToken Number duy nhất.

二、SoftToken 密碼單之啟用碼連續輸入錯誤 5 次或申請後 30 天內未首次登入使用, 系統將自動失效之使用權限, 立約人須向貴行重新申請後始得繼續使用。

Mã kích hoạt mã mật khẩu SoftToken nếu nhập sai liên tiếp 5 lần hoặc sau 30 ngày kể từ khi đăng ký mà không đăng nhập lần đầu, hệ thống sẽ tự động vô hiệu hóa quyền sử dụng. Người ký kết phải nộp đơn đăng ký lại mới có thể tiếp tục sử dụng.

三、SoftToken 透過綁定之交易驗證密碼進行交易驗證時, 驗證錯誤達 5 次時, 系統將自動暫禁使用權限, 立約人須向貴行申請重新申請後始得繼續使用。

Khi SoftToken thực hiện xác thực giao dịch bằng mật khẩu giao dịch đã liên kết, nếu xác thực sai 5 lần liên tiếp, hệ thống sẽ tự động tạm khóa quyền sử dụng. Người ký kết phải nộp đơn xin đăng ký lại mới có thể tiếp tục sử dụng.

四、如立約人更換裝置或因故重新安裝行動 CEO+時, 原綁定於該裝置之 SoftToken 功能將失效, 立約人如欲使用 SoftToken 功能須向貴行重新申請與綁定後使得繼續使用

Nếu người ký kết thay đổi thiết bị hoặc do một lý do nào đó phải cài đặt lại ứng dụng CEO+ trên thiết bị di động, chức năng SoftToken đã liên kết trên thiết bị cũ sẽ bị vô hiệu hóa. Người ký kết nếu muốn sử dụng chức năng SoftToken phải đăng ký lại và liên kết thiết bị mới thì mới có thể tiếp tục sử dụng.

立約人對貴行所提供之初始使用者名稱及密碼、相關文件及自行設定之使用者名稱、使用者密碼及 SoftToken / Advanced OTP 密碼單, 應負保管之責。

Bên ký kết phải chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tên người dùng và mật khẩu do Ngân hàng cung cấp, tên người dùng và mật khẩu trong các tài liệu và cài đặt người dùng có liên quan và mật khẩu thiết bị

立約人使用 SoftToken/ Advanced OTP 裝置時, 應妥善保管, 如有遺失、遭竊、滅失或密碼洩漏有被冒領之虞時, 應立即向貴行辦理書面掛失手續或使用網路銀行辦理掛失手續, 辦理掛失概以貴行電腦登錄完成始生效力, 在尚未依上開方法辦妥掛失停用手續前遭冒用所生之損害, 立約人仍應負清償之責, 已經付款者, 視同對立約人生清償效力。

Khi sử dụng thiết bị SoftToken/ Advanced OTP, người ký kết cần bảo quản cẩn thận. Trong trường hợp bị mất, bị đánh cắp, hư hỏng hoặc có nguy cơ lộ mật khẩu dẫn đến bị chiếm đoạt trái phép, người ký kết phải ngay lập tức thực hiện thủ tục báo mất bằng văn bản tại ông Lâm Hồng Minh hoặc thông qua dịch vụ ngân hàng trực tuyến để khóa thiết bị. Việc báo mất sẽ có hiệu lực khi được Ngân hàng ghi nhận trong hệ thống máy tính. Trước khi hoàn tất thủ tục khóa thiết bị theo các phương thức trên, nếu xảy ra việc sử dụng trái phép gây thiệt hại, người ký kết vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán bồi hoàn. Mọi khoản đã thanh toán sẽ được xem như đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán đối với người ký kết.

一、立約人已知悉貴行提供之提醒, 並同意以下事項以確保帳戶安全: 避免將密碼、OTP 資料保存在共用設備, 並且不與他人共用存放這些資訊的設備。

Tránh lưu trữ mật khẩu, dữ liệu OTP trên các thiết bị dùng chung và không chia sẻ thiết bị lưu trữ thông tin này với người khác.

三、創建與變更帳號密碼的原則, 立約人應遵循安全原則來設定和定期更換帳號密碼, 確保強度與安全性。

Khi tạo và thay đổi mật khẩu tài khoản, người ký kết cần tuân thủ các nguyên tắc bảo mật để thiết lập và thường xuyên thay đổi mật khẩu nhằm đảm bảo độ mạnh và an toàn.

四、避免使用公共電腦與公開 Wi-Fi, 登入線上銀行或執行交易, 以防止資料被竊取。

Tránh sử dụng máy tính công cộng và mạng Wi-Fi công cộng để đăng nhập ngân hàng trực tuyến hoặc thực hiện giao dịch nhằm ngăn chặn việc đánh cắp dữ liệu.

五、避免在瀏覽器中保存帳號密碼或自動儲存功能保存登入資料。

Tránh lưu mật khẩu tài khoản hoặc sử dụng chức năng tự động lưu thông tin đăng nhập trên trình duyệt.

六、每次完成網路銀行與 CEO+相關服務後, 務必主動登出, 防止他人利用未登出之帳號。

Sau mỗi lần sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến và CEO+, phải chủ động đăng xuất để tránh người khác lợi dụng tài khoản chưa đăng xuất.

七、辨識與防範釣魚網站及假冒軟體, 避免因點擊惡意連結或下載假軟體導致資安風險。

Nhận biết và phòng tránh các trang web giả mạo (phishing) và phần mềm giả mạo, tránh nhấp vào các liên kết độc hại hoặc tải phần mềm giả nhằm giảm rủi ro về an ninh mạng.

八、持續安裝作業系統與行動銀行應用程式的安全更新補丁; 建議安裝並定期更新防毒程式及病毒碼。

Liên tục cập nhật các bản vá bảo mật cho hệ điều hành và ứng dụng ngân hàng di động; khuyến nghị cài đặt và cập nhật định kỳ phần mềm diệt virus và dữ liệu virus.

九、依照立約人交易限額及安全需求, 選擇符合需求與法規的認證方式。

Lựa chọn phương thức xác thực phù hợp với giới hạn giao dịch và yêu cầu bảo mật của người ký kết, tuân thủ quy định pháp luật.

十、接收貴行提供之風險事項提醒, 並理解其風險預告與相關內容。

Nhận và hiểu các cảnh báo rủi ro do Ngân hàng cung cấp, cũng như nội dung liên quan đến các dự báo rủi ro.

十一、避免使用未設定鎖屏(舉例如密碼、指紋、Face ID 等)的手機使用網路銀行或產生相關電子憑證的應用程式。

Tránh sử dụng điện thoại không được cài đặt khóa màn hình (như mật khẩu, vân tay, Face ID) để sử dụng ngân hàng trực tuyến hoặc các ứng dụng tạo chứng thư số liên quan.

十二、禁止在交易設備上安裝不明來源、未授權或非法軟體, 以避免安全風險。

Cấm cài đặt phần mềm từ nguồn không rõ, không được phép hoặc bất hợp pháp trên thiết bị giao dịch nhằm tránh các rủi ro về bảo mật.

十三、若發現可疑或異常交易時，應立即連繫貴行服務人員進行處理。

Nếu phát hiện giao dịch bất thường hoặc đáng ngờ, phải liên hệ ngay với nhân viên dịch vụ của Ngân hàng để xử lý.

十四、手機、OTP 裝置、電子安控設備遺失、毀損，或發現詐欺、疑似攻擊時應立即通知貴行。

Khi điện thoại di động, thiết bị OTP, hoặc thiết bị an ninh điện tử bị mất, hỏng, hoặc phát hiện có hành vi gian lận, nghi ngờ bị tấn công, phải ngay lập tức thông báo cho Ngân hàng.

第十八條 /Điều 18 帳務日期歸屬/Chuyển nhượng vào ngày kế toán

立約人於貴行帳務日期劃分點以前所為之交易併入貴行當日帳處理，劃分點以後之交易則歸屬次營業日帳處理。

Các giao dịch được thực hiện bởi bên ký kết trước thời hạn ngày kế toán của Ngân hàng sẽ được xử lý với các vấn đề kế toán trong ngày hiện tại của Ngân hàng và các giao dịch sau thời hạn sẽ được xử lý với các vấn đề kế toán vào ngày hôm sau.

第十九條 /Điều 19 網路銀行授權功能約定/Điều khoản đối với tính năng ủy quyền của ngân hàng trực tuyến

立約人向貴行申請此服務後得授權公司內部人員(以下簡稱被授權人員)使用貴行網路銀行服務。

立約人使用網路銀行授權功能服務必須事先約定，並依貴行網路銀行中所提供的授權功能訂定被授權人在約定範圍內使用貴行網路銀行服務。

Bên ký kết muốn sử dụng tính năng ủy quyền ngân hàng trực tuyến phải đăng ký trước và phải chỉ định nhân viên được ủy quyền có thể sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến của Ngân hàng trong một phạm vi nhất định trong tính năng ủy quyền do hệ thống ngân hàng trực tuyến của Ngân hàng cung cấp.

被授權人使用貴行網路銀行業務之所有相關行為與立約人之使用效力相同。

Khi sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến của Ngân hàng, các hành động do nhân viên được ủy quyền thực hiện sẽ có hiệu lực tương tự như do bên ký kết sử dụng.

倘因立約人或被授權人員之故意、過失或管理不當等原因而造成立約人損失，當自行負責，概與貴行無涉。

Bên ký kết phải chịu trách nhiệm cho tất cả các tổn thất do hành động cố ý, sơ suất và quản lý không đúng cách của nhân viên được ủy quyền, v.v., và Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm đối với những tổn thất này.

第二十條 /Điều 20 網路銀行轉帳約定/Điều khoản đối với chuyển khoản của ngân hàng trực tuyến

立約人使用網路銀行轉帳匯款功能均需逐戶約定轉出帳戶。

Bên ký kết phải chỉ định riêng các tài khoản của người trả tiền khi sử dụng tính năng chuyển và chuyển khoản tài khoản ngân hàng trực tuyến.

申請透過本項服務之轉出帳戶，該帳戶對應之每日動用限額，立約人皆應以書面與貴行進行約定；該帳戶對應之轉入帳戶，立約人亦可以書面與貴行進行約定。不同於立約人戶名之轉出帳戶得經該帳戶所有人向貴行以書面授權立約人可透過本服務系統之各項功能執行所委託之各類事宜。

Khi đăng ký sử dụng tài khoản của người thanh toán theo dịch vụ này, bên ký kết phải chuẩn bị hạn mức số tiền có thể sử dụng hàng ngày của các tài khoản đó với Ngân hàng bằng văn bản. Bên ký kết cũng phải chuẩn bị các tài khoản tiền gửi tương ứng với các tài khoản này với Ngân hàng bằng văn bản. Không giống như tài khoản của người thanh toán dưới tên tài khoản của bên ký kết, chủ sở hữu tài khoản tiền gửi có thể ủy quyền cho bên ký kết bằng văn bản với Ngân hàng để sử dụng các tính năng khác nhau của hệ thống dịch vụ này để thực hiện các vấn đề được ủy thác khác nhau.

立約人同意貴行處理轉帳匯款及交易指示類作業，悉依資料傳送至貴行當時，貴行授權及安控作業系統中之設定狀況為準。若前述作業處理過程中，有 SoftToken / Advanced OTP 暫禁之情況產生時，在該 SoftToken / Advanced OTP 暫禁前，已依貴行之作業系統核准之轉帳及交易指示類作業依然有效。

Bên ký kết đồng ý với việc xử lý của Ngân hàng đối với chuyển khoản và chuyển tiền và các nhiệm vụ hướng dẫn giao dịch, tùy thuộc vào trạng thái cài đặt trong hệ thống điều hành ủy quyền và kiểm soát bảo mật của Ngân hàng tại thời điểm dữ liệu được truyền tới Ngân hàng. Nếu SoftToken/ Advanced OTP bị tạm ngừng hoặc hủy bỏ trong các quy trình hoạt động đã nói ở trên, hướng dẫn chuyển khoản và giao dịch vẫn sẽ được phê duyệt có hiệu lực trước khi SoftToken/ Advanced OTP bị tạm ngừng hoặc hủy bỏ.

轉帳匯款服務轉出限額尚須依第十九條辦理。

Hạn mức gửi đi đối với dịch vụ chuyển khoản & chuyển tiền phải được xử lý theo quy định tại Điều 19.

第二十一條 /Điều 21 網路銀行轉帳匯款服務/ Dịch vụ chuyển khoản và chuyển tiền của ngân hàng trực tuyến

立約人申請透過網路銀行轉帳匯款自動化服務之轉出帳戶需逐戶約定；該帳戶對應之轉入帳戶，立約人可依書面指示與貴行進行約定。*Tài khoản của người thanh toán sử dụng cho các dịch vụ chuyển khoản và chuyển tiền ngân hàng trực tuyến phải được phê duyệt riêng lẻ.*

每一轉出帳號每日交易限額及對應的轉入帳號規範，以立約人向貴行申請的安控設備 SoftToken / Advanced OTP 規範而定，惟轉定存不需約定轉入帳號即可交易。新增的約定轉入帳號於申辦日後次日開始生效，透過本項服務之轉出帳戶，該帳戶對應之轉入帳戶及每日動用限額，立約人皆得以書面與貴行進行約定，每一轉出帳號的每日轉出上限為等值美金五千萬元，每一轉出帳號獨立累計動用金額，超過限額之轉帳匯款交易逕洽同奈分行辦理。

Hạn mức giao dịch hàng ngày của mỗi tài khoản chuyển ra và quy phạm của tài khoản chuyển vào tương ứng, được căn cứ theo quy phạm kiểm soát an ninh của SoftToken/ Advanced Token mà khách hàng đăng ký với Ngân hàng. Tuy nhiên tiền gửi cố định không cần thiết lập tài khoản chuyển vào là có thể giao dịch. Tài khoản đăng ký mới sẽ có hiệu lực vào ngày hôm sau sau ngày đăng ký, thông qua tài khoản chuyển ra của dịch vụ này, tài khoản chuyển tiền và hạn mức sử dụng tương ứng với tài khoản, khách hàng phải thỏa thuận với Ngân hàng bằng văn bản. Hạn mức chuyển tiền trong ngày đối với mỗi tài khoản chuyển ra tương đương 50 triệu USD, mỗi tài khoản chuyển ra được cộng dồn số tiền sử dụng một cách độc lập. Đối với các khoản chuyển và chuyển tiền vượt hạn mức, vui lòng liên hệ chi nhánh Đồng Nai để được xử lý.

立約人同意若於一年內未使用網路銀行轉帳匯款服務，貴行得停用非約定轉帳功能服務。若日後仍有需要應以書面與貴行重新申請。

Bên ký kết đồng ý rằng Ngân hàng có thể hủy các tính năng chuyển khoản không được chỉ định trước nếu trong vòng một năm, bên ký kết không sử dụng dịch vụ chuyển khoản và chuyển tiền qua ngân hàng trực tuyến và bên ký kết phải nộp đơn đăng ký lại cho Ngân hàng bằng văn bản nếu sau đó cần sử dụng các dịch vụ đó.

立約人線上申辦匯出匯款業務同意貴行於申請當日採用 SWIFT 電匯方式匯至本人所指定之受款人帳號。若發生匯出款項遭貴行之存同銀行以受款人被列為恐怖組織或其所屬國被列為禁匯國家等事由，將款項予以扣押者，立約人無條件同意承擔一切損失，概與貴行無涉。

Khi đăng ký trực tuyến các dịch vụ chuyển tiền đi, bên ký kết đồng ý rằng Ngân hàng có thể sử dụng chuyển khoản điện báo SWIFT để

chuyển tiền vào tài khoản của người thụ hưởng được chỉ định vào ngày đăng ký. Nếu người thụ hưởng chuyển tiền đã được các ngân hàng đại lý của Ngân hàng liệt kê là một tổ chức khủng bố hoặc quốc gia nơi người thụ hưởng được liệt kê là một quốc gia bị cấm chuyển tiền, thì số tiền đó sẽ bị giam giữ và bên ký kết phải đồng ý vô điều kiện rằng Ngân hàng không có bất kỳ nghĩa vụ nào trong trường hợp này và bên ký kết mới là người phải chịu mọi trách nhiệm.

立約人同意本項業務之承作匯率，可依貴行牌告匯率或與貴行議定之匯率為準，如未依約完成交易或要求交易取消，致貴行受有損失時，貴行得向立約人酌收違約金。

Bên ký kết đồng ý với tỷ giá hối đoái được duyệt cho dịch vụ này, đó sẽ là tỷ giá hối đoái được công bố của Ngân hàng hoặc tỷ giá hối đoái được đàm phán với Ngân hàng. Nếu không tuân thủ thỏa thuận trong việc thực hiện giao dịch hoặc yêu cầu hủy giao dịch khiến Ngân hàng bị thua lỗ, Ngân hàng có thể quyết định phạt bên ký kết hợp đồng khi được bảo đảm.

立約人知悉轉帳匯款交易之處理，貴行並不負責審認其交易屬性、目的之責，立約人應自行控管交易資料之正確性以免權益受損。

Bên ký kết nhận thức được rằng Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm trong việc xác định tính chất hoặc mục đích của giao dịch chuyển khoản và chuyển tiền; do đó, bên ký kết phải đảm bảo tính chính xác của thông tin giao dịch để tránh tổn hại cho lợi ích của mình.

立約人承諾透過網路銀行進行交易時，倘貴行有核實交易目的之需求，立約人亦應協助提供相關交易單據佐證。

Khi sử dụng ngân hàng trực tuyến để thực hiện giao dịch, bên ký kết cam kết rằng nếu Ngân hàng cần kiểm tra mục đích của giao dịch, bên ký kết phải hợp tác bằng cách cung cấp các hình thức giao dịch có liên quan làm bằng chứng.

立約人於網路銀行辦理交易限在銀行服務時間內完成交易，進行網路銀行轉帳匯款交易時將逐筆如實申報匯款性質，倘若發生申報不實或填寫不正確情事，其後果由立約人自行負責。

Bên ký kết có thể thực hiện các giao dịch ngân hàng trực tuyến được giới hạn trong các giao dịch có thể được hoàn thành trong giờ dịch vụ của Ngân hàng. Khi thực hiện giao dịch chuyển khoản và chuyển tiền, bên ký kết phải báo cáo trung thực bản chất của từng số tiền chuyển và nêu báo cáo số tiền không trung thực hoặc điền thông tin không chính xác, bên ký kết phải chịu mọi trách nhiệm về mọi hậu quả.

貴行因執行本項業務產生需另外補收取由立約人負擔之費用時，立約人於接獲貴行通知後應立即補繳該費用，不得異議。

Nếu Ngân hàng phải thu thêm phí phát sinh trong trường hợp cung cấp dịch vụ này từ bên ký kết, thì sau khi nhận được thông báo từ Ngân hàng bên ký kết sẽ phải thanh toán ngay lập tức phí phát sinh này mà không được phân đối.

立約人同意若於線上申辦轉帳匯款悉依主管機關規定辦理。

Bên ký kết đồng ý rằng tất cả các giao dịch chuyển khoản và chuyển tiền được áp dụng cho trực tuyến sẽ được xử lý theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

若網路銀行服務因任何因素導致服務中斷或暫停，立約人同意於營業時間內以親自臨櫃或依照約定授權方式做為網路銀行服務之替代方式，由貴行持續接受服務辦理。如有疑問，請洽玉山銀行同泰分行，服務電話：+84-251-3671313，服務傳真：+84-251-3936317。亦可透過「訪客留言版」進行反應或申訴，顧客留言或建議送出後將依業務項目傳送至專責經辦於規定時限內完成回覆，詳情請參考網址：<https://www.esunbank.com.tw/bank/about/services/customer/message-board>。

Nếu dịch vụ ngân hàng trực tuyến bị gián đoạn hoặc bị tạm ngừng vì bất kỳ lý do nào, bên ký kết đồng ý sử dụng giao dịch trực tiếp tại quầy trong giờ làm việc hoặc một số phương thức khác được ủy quyền theo thỏa thuận thay thế cho dịch vụ ngân hàng trực tuyến và Ngân hàng sẽ tiếp tục chấp nhận yêu cầu dịch vụ. Nếu có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng liên hệ với Ngân hàng thương mại E.SUN - Chi nhánh Đông Nai theo số điện thoại: + 84-251-3671313 hoặc số fax + 84-251-3936317. Quý khách cũng có thể sử dụng "Bảng tin của khách truy cập" để để lại nhận xét hoặc khiếu nại. Tin nhắn và đề xuất của khách hàng gửi đến sẽ được chuyển đến người quản lý có trách nhiệm theo tính chất của dịch vụ liên quan và phản hồi sẽ được thực hiện trong thời gian cần thiết. Vui lòng truy cập trang web sau để biết thêm thông tin chi tiết: <https://www.esunbank.com.tw/bank/about/service/customer/message-board>.

第二十二條 /Điều 22 檔案上傳服務/ Dịch vụ tải lên tập tin

立約人使用檔案上傳服務前，應經貴行同意方得使用。

Người ký kết chỉ được sử dụng dịch vụ tải lên tập tin sau khi nhận được sự đồng ý từ Ngân hàng.

立約人向貴行申請的最高權限安控設備須為「SoftToken / Advanced OTP」，方得使用檔案上傳服務。

Thiết bị bảo mật có quyền hạn cao nhất do người ký kết đăng ký phải là "SoftToken / Advanced OTP" mới được phép sử dụng dịch vụ tải lên tập tin.

檔案上傳服務之適用範圍如下：

Phạm vi áp dụng dịch vụ tải lên tập tin như sau:

存匯業務：行內轉帳、即期/遠期外幣兌換、境內/外匯出匯款、匯款之改匯及退匯、匯入匯款之切結、定存申請及設質、存款證明。

Các nghiệp vụ tiền gửi và ngoại tệ: chuyển khoản trong ngân hàng, mua bán ngoại tệ kỳ hạn giao ngay / kỳ hạn, chuyển tiền trong nước / chuyển tiền ngoại tệ ra nước ngoài, thay đổi lệnh chuyển tiền và hoàn trả chuyển tiền, cam kết về chuyển tiền nhập khẩu, đăng ký và thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, chứng nhận tiền gửi.

授信業務：額度動用、提前或部分還款、開發/修改信用狀、進口到單通知、出口拒付通知、經顧客簽章並授權指示之電文發送。

Các nghiệp vụ tín dụng: sử dụng hạn mức tín dụng, thanh toán trước hạn hoặc thanh toán một phần, mở mới hoặc sửa đổi thư tín dụng, thông báo nhập khẩu thanh toán theo bộ chứng từ, thông báo từ chối thanh toán xuất khẩu, gửi văn bản điện tử có chữ ký và ủy quyền của khách hàng.

使用檔案上傳服務得傳送交易執行日為當日或 30 個日曆日內之電子文件，且交易執行日須為貴行營業日。申請人至遲須於交易執行日當日 15:00 (越南)前驗證與放行交易指示。

Khi sử dụng dịch vụ tải lên tập tin, người ký kết được phép gửi các tài liệu điện tử có ngày thực hiện giao dịch là ngày hiện tại hoặc trong vòng 30 ngày lịch tới, và ngày thực hiện giao dịch phải là ngày làm việc của Ngân hàng. Người đăng ký phải hoàn thành xác thực và phê duyệt lệnh giao dịch trước 15:00 ngày ngày thực hiện giao dịch (giờ Việt Nam).

立約人知悉使用檔案上傳服務傳送電子文件，表單上須蓋用申請人與貴行約定之留存印鑑（樣式悉依申請人與貴行之個別交易約定），並應以彩色掃描之電子文件傳送至網路銀行。

Người ký kết nhận biết rằng tập tin điện tử gửi qua dịch vụ tải lên tập tin phải có con dấu lưu ký do người đăng ký và Ngân hàng thỏa thuận (mẫu con dấu tuân theo thỏa thuận giao dịch có thể giữa hai bên). Tập tin điện tử cần được quét màu và gửi qua hệ thống ngân hàng trực tuyến.

立約人同意未於貴行營業時間內完成驗證與放行交易指示者，貴行有權將該筆交易指示遞延至貴行次一營業日處理。立約人同意各筆交易指示之驗證與放行時間悉以貴行實際收訖紀錄為準。

Người ký kết đồng ý rằng nếu không hoàn tất việc xác thực và phê duyệt lệnh giao dịch trong giờ làm việc của Ngân hàng, Ngân hàng có quyền tạm hoãn xử lý lệnh giao dịch đó sang ngày làm việc kế tiếp. Thời gian xác thực và phê duyệt lệnh giao dịch sẽ căn cứ vào hồ sơ ghi nhận thực tế của Ngân hàng.

立約人承諾因使用檔案上傳服務或電子文件或交易指示內容而對貴行負擔之債務、費用、違約金、損害賠償及其他從屬於主債務之負擔，均負完全清償責任。如有任何第三方因立約人使用檔案上傳服務或電子文件或交易指示內容而得對貴行主張任何權利、賠償或費用，均由立約人負擔賠償或清償責任。

Người ký kết cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi khoản nợ, chi phí, phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại và các khoản mục phát sinh từ nghĩa vụ chính do việc sử dụng dịch vụ tài lên tập tin hoặc nội dung tài liệu điện tử hay các lệnh giao dịch gửi qua dịch vụ. Nếu có bất kỳ bên thứ ba nào đòi hỏi quyền lợi, bồi thường hoặc chi phí liên quan đến việc sử dụng dịch vụ tài lên tập tin hoặc tài liệu điện tử hay lệnh giao dịch bởi người ký kết thì người ký kết chịu trách nhiệm bồi thường hoặc thanh toán.

立約人瞭解，電子文件上之印鑑或簽名可能於掃描或傳送過程中發生扭曲、變形、縮小或放大等情事，因而致難以辨識印鑑或簽名是否屬偽造或變造，立約人茲此聲明並同意，立約人以安控設備驗證與放行電子文件之交易指示，即屬對立約人有效及具拘束力之交易指示，立約人並願承擔因此所生之風險。

Người ký kết hiểu rằng con dấu hoặc chữ ký trên tài liệu điện tử có thể bị biến dạng, méo mó, thu nhỏ hoặc phóng to trong quá trình quét hoặc gửi, dẫn đến khó xác định có phải con dấu hoặc chữ ký giá trị hay chính xác không. Người ký kết tuyên bố và đồng ý rằng việc xác thực và phê duyệt lệnh giao dịch tài liệu điện tử thông qua thiết bị bảo mật sẽ là lệnh giao dịch hợp lệ và có tính ràng buộc đối với người ký kết, đồng thời người ký kết chấp nhận chịu rủi ro phát sinh từ hành động này.

立約人瞭解並同意，使用檔案上傳服務驗證及放行交易指示後，貴行仍對交易之執行具准駁權利，惟應將拒絕執行之事由告知立約人。

Người ký kết hiểu và đồng ý rằng sau khi xác thực và phê duyệt lệnh giao dịch bằng dịch vụ tài lên tập tin, Ngân hàng vẫn có quyền xem xét và từ chối thực hiện giao dịch, nhưng phải thông báo lý do từ chối cho người ký kết biết.

使用檔案上傳服務，如須再為書面處理時，立約人願無條件配合儘速至貴行營業單位補充完成。

Trong trường hợp cần giải quyết thêm bằng văn bản, người ký kết sẽ hợp tác vô điều kiện và kịp thời đến các đơn vị giao dịch của Ngân hàng để hoàn thành thủ tục bổ sung.

立約人或貴行均得隨時以書面通知他方終止檔案上傳服務；於終止通知送達他方前，貴行對於已受理或辦理之交易指示，仍得依本約定條款執行後續事宜。

Người ký kết hoặc Ngân hàng có thể bất kỳ lúc nào thông báo bằng văn bản cho bên còn lại chấm dứt dịch vụ tài lên tập tin; trước khi thông báo chấm dứt được gửi đến bên kia, Ngân hàng vẫn có quyền thực hiện các lệnh giao dịch đã tiếp nhận và xử lý theo các điều khoản của hợp đồng này.

第二十三條 /Điều 23 共用網路銀行約定/Điều khoản chung đối với ngân hàng trực tuyến

立約人因內部作業需要，同意與約定之代表會員共同使用貴行網路銀行服務，並同意該代表會員得以其統一編號登入貴行網路銀行處理立約人與貴行約定之各項業務。立約人同意如約定與代表會員共用網路銀行進行集團／跨區域的資金管理服務，由代表會員進行之交易，仍須遵守立約人當地法令規範及交易規範（如限額或服務時間等）。

Do hoạt động nội bộ, Khách hàng đồng ý cho các bên liên quan cùng sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến theo thỏa thuận, và đồng ý cho Các bên liên quan được dùng cùng một mã đăng nhập dịch vụ ngân hàng trực tuyến để xử lý các hoạt động kinh doanh khác nhau trong phạm vi quyền hạn đã thỏa thuận với khách hàng. Khách hàng đồng ý rằng khi chia sẻ ngân hàng trực tuyến với các bên liên quan sử dụng các dịch vụ và giao dịch quản lý quỹ nhóm/liên khu vực do các bên liên quan thực hiện vẫn phải tuân thủ theo pháp luật và quy định địa phương của người khách hàng và phạm vi giao dịch (ví dụ như: hạn mức hoặc giờ làm việc, v.v.) vẫn phải được tuân thủ.

立約人與代表會員之集團企業關係，悉依貴行當時之相關規定辦理。立約人同意並確認申請本服務時所聲明事項並無虛偽不實或有所隱匿，且前述聲明事項之變更，立約人應自負其責，貴行並不負責審視其內容正確性或交付文件真偽之義務；若因此致生任何損害於貴行或第三人，立約人願負一切責任。

Mối quan hệ giữa khách hàng và các công ty liên quan của tập đoàn, sẽ thực hiện theo quy định có liên quan của Ngân hàng tại thời điểm đó. Khách hàng đồng ý và xác nhận rằng những vấn đề đã kê khai khi đăng ký dịch vụ này là chính xác, sự thật, không che giấu. Ngoài ra Khách hàng phải chịu trách nhiệm về bất kỳ thay đổi nào đối với tuyên bố ở trên và Ngân hàng không có nghĩa vụ phải xem xét tính chính xác của nội dung hoặc tính xác thực của các tài liệu được giao.

約定之共用範圍為帳務查詢時，代表會員得於貴行網路銀行內由指定之使用者操作，進行立約人帳務資料的查詢及下載，立約人仍保留自行使用網路銀行服務之權益。

Khi phạm vi chia sẻ đã thỏa thuận là để truy vấn tài khoản, các bên liên quan có thể được điều hành bởi một người dùng được chỉ định trong ngân hàng trực tuyến của ngân hàng để truy vấn và tải xuống thông tin tài khoản của khách hàng. Khách hàng vẫn có quyền sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến của riêng mình.

約定之共用範圍為帳務交易時，代表會員得於貴行網路銀行內由指定之使用者操作，進行立約人帳務資料的查詢及下載，並同意代表會員得以其安控設備於網路銀行內執行立約人帳務交易的放行，立約人同意放棄使用網路銀行服務之權益。

Khi phạm vi chia sẻ đã đồng ý là các giao dịch kế toán, các bên liên quan có thể được điều hành bởi một người dùng được chỉ định trong ngân hàng trực tuyến của ngân hàng để truy vấn và tải xuống thông tin kế toán của khách hàng và đồng ý các bên liên quan sử dụng thiết bị kiểm soát an ninh của mình trong ngân hàng trực tuyến Nội bộ thực hiện việc phát hành các giao dịch kế toán của khách hàng và khách hàng đồng ý từ bỏ quyền sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến.

貴行得依照立約人或代表會員要求逕行終止本項服務，無須徵得他方同意。立約人知悉並同意，如代表會員終止使用網路銀行時，貴行得同時終止立約人與代表會員共同使用網路銀行之服務。

Ngân hàng có thể chấm dứt dịch vụ này theo yêu cầu của khách hàng hoặc bên liên quan của khách hàng, mà không cần sự đồng ý của các bên khác. Khách hàng biết và đồng ý. Nếu khi bên liên quan của khách hàng chấm dứt dịch vụ ngân hàng trực tuyến, Ngân hàng phải chấm dứt dịch vụ ngân hàng trực tuyến cùng sử dụng giữa khách hàng và bên liên quan cùng lúc.

立約人同意由代表會員所代為執行之貴行網路銀行各項約定及交易，均視為立約人所親為，貴行毋庸另行查證，立約人並同意自負所有責任。

Khách hàng đồng ý cho các bên liên quan thay mặt thực hiện giao dịch và các hạng mục của ngân hàng trực tuyến, đều được coi là các hành động của khách hàng. Ngân hàng không cần phải kiểm tra riêng và khách hàng đồng ý chịu mọi trách nhiệm.

立約人同意如與代表會員間之關係或商業利益改變，應主動告知貴行並重新交付相關文件，並同意依據貴行要求，提供聲明關係或商業利益存在之最新文件。立約人知悉並同意，如無法配合相關要求，貴行有權終止立約人與代表會員共用網路銀行服務。

Khách hàng đồng ý rằng nếu mối quan hệ giữa khách hàng và bên liên quan hoặc lợi ích kinh doanh thay đổi, phải chủ động thông báo với Ngân hàng và cung cấp lại những chứng từ liên quan cho Ngân hàng, đồng thời đồng ý với các yêu cầu của Ngân hàng cung cấp các tài liệu mới nhất tuyên bố sự tồn tại của mối quan hệ hoặc lợi ích kinh doanh. Khách hàng biết và đồng ý rằng nếu không tuân thủ các yêu cầu liên quan, Ngân hàng có quyền chấm dứt việc chia sẻ dịch vụ ngân hàng trực tuyến giữa Khách hàng và bên liên quan của khách hàng.

第二十四條 /Điều 24 交易核對/Kiểm tra giao dịch

立約人於每筆交易指示處理完畢後，應核對其結果有無錯誤。如有不符，應於使用完成之日起四十五日內，通知貴行查明，並同意由貴行提供相關紀錄後，以雙方認定之結果為準。

Bên ký kết phải kiểm tra xem kết quả thực hiện của từng bộ hướng dẫn giao dịch có đúng không. Nếu có sự mâu thuẫn, bên ký kết phải thông báo cho Ngân hàng để điều tra vụ việc trong vòng 45 ngày kể từ ngày hoàn thành sử dụng và phải đồng ý rằng kết quả mà hai bên đạt được dựa trên hồ sơ do Ngân hàng cung cấp sẽ được áp dụng.

貴行應於每月對立約人以電子文件或雙方約定之方式提供上月之交易對帳單（該月無交易時不提供）。立約人核對後如認為交易對帳單所載事項有錯誤時，應於收受之日起四十五日內，通知貴行查明。貴行對於立約人之通知，應即進行調查，並於通知到達貴行之日起三十日內，將調查之情形或結果覆知立約人。

Ngân hàng phải cung cấp một Báo cáo đối chiếu giao dịch cho tháng trước (nếu không có giao dịch trong tháng đó thì không cần cung cấp) trên cơ sở hàng tháng cho bên ký kết bằng tài liệu điện tử hoặc phương thức khác được hai bên thỏa thuận. Nếu sau khi kiểm tra, bên ký kết tin rằng các mục được ghi trong Báo cáo đối chiếu giao dịch là có sai sót, họ sẽ thông báo cho Ngân hàng trong vòng 45 ngày sau ngày nhận để thực hiện điều tra. Khi nhận được thông báo như vậy từ bên ký kết, Ngân hàng sẽ phải tiến hành điều tra và sẽ thông báo cho bên ký kết kết quả liên quan hoặc tình hình điều tra trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo được gửi đến ngân hàng.

立約人對於轉帳交易結果，同意採取網路查詢對帳、網路列印對帳單、或由貴行以電子訊息方式通知立約人（若因有非可歸責於貴行之事由致無法遞送時，該月即不再重送），並同意帳戶餘額及交易明細一律依貴行電腦資料為準。

Đối với kết quả giao dịch chuyển khoản, bên ký kết đồng ý thực hiện Báo cáo đối chiếu giao dịch thông qua truy vấn trực tuyến, in ra Báo cáo đối chiếu giao dịch trực tuyến hoặc để Ngân hàng thông báo cho bên ký kết thông qua các phương thức thông tin điện tử (nếu thông tin không thể được truyền đi vì lý do không thể quy kết đến Ngân hàng, Ngân hàng sẽ không truyền lại trong tháng đó) và cũng đồng ý rằng số dư tài khoản và thông tin chi tiết giao dịch sẽ được dựa trên dữ liệu trong hệ thống máy tính của Ngân hàng.

第二十五條 /Điều 25 電子文件錯誤之處理/Xử lý lỗi trong tài liệu điện tử

立約人利用本約定之服務，如其電子文件因不可歸責於立約人之事由而發生錯誤時，貴行應協助立約人更正，並提供其他必要之協助。

Trường hợp trong quá trình sử dụng các dịch vụ theo thỏa thuận này xảy ra lỗi trong tài liệu điện tử mà không phải do lỗi của bên ký kết, Ngân hàng sẽ phải hỗ trợ bên ký kết sửa lỗi đồng thời cũng sẽ cung cấp các hỗ trợ cần thiết khác.

前項服務因可歸責於貴行之事由而發生錯誤時，貴行應於知悉時，立即更正，並同時以電子文件或貴行及立約人約定之方式通知立約人。

Trường hợp xảy ra lỗi như trên vì lý do liên quan đến Ngân hàng, Ngân hàng sẽ phải ngay lập tức có biện pháp khắc phục ngay khi phát hiện lỗi và sẽ thông báo cho bên ký kết thông qua tài liệu điện tử hoặc các phương tiện khác được Ngân hàng và bên ký kết đồng ý.

立約人利用本契約之服務，其電子文件因可歸責於立約人之事由而發生錯誤時，倘屬立約人申請或操作轉入之金融機構代號、存款帳號或金額錯誤，致轉入他人帳戶或誤轉金額時，一經立約人通知貴行，貴行應即辦理以下事項：

Khi bên ký kết sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận này, đã xảy ra lỗi trong tài liệu điện tử do các lý do được quy cho bên ký kết, chẳng hạn như nếu bên ký kết đã nhập sai mã tổ chức tài chính, số tài khoản tiền gửi hoặc số tiền khi thực hiện đăng ký hoặc thực hiện một giao dịch, khiến số tiền được chuyển vào tài khoản của bên thứ ba hoặc chuyển một số tiền không chính xác, thì sau khi nhận được thông báo từ bên ký kết, Ngân hàng sẽ phải nhanh chóng thực hiện các hành động sau:

一、依據相關法令提供該筆交易之明細及相關資料。

Cung cấp các thông tin chi tiết của giao dịch và các thông tin liên quan khác theo quy định của pháp luật.

二、通知轉入行協助處理。

Thông báo cho ngân hàng nhận để hỗ trợ xử lý vấn đề.

三、回報處理情形。

Báo cáo lại cho bên ký kết tình trạng xử lý liên quan.

立約人同意對貴行因協助立約人召回、取消更正資料訊息或提供其他必要之協助而生之任何損失、責任及費用願負責賠償。

Bên ký kết đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường cho Ngân hàng tất cả các tổn thất, nợ phải trả và chi phí phát sinh trong quá trình gọi lại, hủy bỏ và sửa chữa dữ liệu của Ngân hàng, đồng thời hỗ trợ Ngân hàng những vấn đề cần thiết khác.

第二十六條 /Điều 26 電子文件之合法授權與責任/Ủy quyền hợp pháp các tài liệu điện tử và trách nhiệm pháp lý

貴行及立約人應確保所傳送至對方之電子文件均經合法授權。

Ngân hàng và bên ký kết phải đảm bảo rằng tất cả các tài liệu điện tử được truyền tải cho bên kia phải được ủy quyền hợp pháp.

貴行或立約人於發現有第三人冒用或盜用使用者代號、密碼，或其他任何未經合法授權之情形，應立即以電話或書面或其他約定方式通知他方停止使用該服務並採取防範之措施。

Trường hợp phát hiện bên thứ ba đã lừa đảo hoặc sử dụng trái phép mã người dùng, mật khẩu hoặc bất kỳ thông tin nào khác mà không có sự cho phép hợp pháp, Ngân hàng hoặc bên ký kết phải thông báo ngay cho bên kia qua điện thoại, văn bản hoặc phương tiện đã thỏa thuận chung khác thông báo ngừng sử dụng dịch vụ và áp dụng các biện pháp bảo vệ.

貴行於接受前項通知前，對第三人使用該服務已發生之效力，由貴行負責。但有下列任一情形者，不在此限：

Trường hợp trước khi nhận được thông báo như được đề cập ở trên, việc sử dụng dịch vụ được đề cập của bên thứ ba đã có hiệu lực, Ngân hàng sẽ phải chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, yêu cầu này sẽ không được áp dụng trong bất kỳ trường hợp nào được liệt kê dưới đây:

一、貴行能證明立約人有故意或過失。

Ngân hàng có thể xác minh rằng bên ký kết có lỗi do sơ suất hoặc hành động cố ý.

二、貴行依電話或書面或其他約定方式通知交易核對資料或帳單後超過四十五日。惟立約人有特殊事由（如住院等）致無法通知者，以該特殊事由結束日起算四十五日，但貴行有故意或過失者，不在此限。

Bên ký kết đã không trả lời về thông tin hoặc Báo cáo đối chiếu giao dịch trong vòng 45 ngày sau khi nhận được thông báo từ Ngân hàng qua điện thoại, văn bản hoặc các phương tiện thông báo đã thỏa thuận khác. Tuy nhiên, khi bên ký kết không thể thực hiện thông báo kịp thời vì những lý do đặc biệt (chẳng hạn như nhập viện), thời hạn thông báo sẽ là 45 ngày sau khi các lý do đặc biệt kết thúc. Các trường hợp Ngân hàng có lỗi do sơ suất hoặc hành động cố ý sẽ không phải tuân theo các yêu cầu này.

針對第二項冒用、盜用事實調查所生之鑑識費用由貴行負擔。

Ngân hàng phải chịu trách nhiệm đối với các chi phí điều tra phát sinh trong trường hợp điều tra việc sử dụng gian lận hoặc sử dụng bất hợp pháp trong đoạn thứ hai.

第二十七條 /Điều 27 資訊系統安全/Bảo mật hệ thống thông tin

貴行及立約人應各自確保所使用資訊系統電子文件安全，防止非法進入系統、竊取、竄改或毀損業務紀錄及資料。

Ngân hàng và bên ký kết sẽ phải lần lượt xác nhận rằng họ đã áp dụng các biện pháp bảo mật tài liệu điện tử trong hệ thống thông tin của

mình để ngăn chặn sự xâm nhập hệ thống bất hợp pháp, trộm cắp, giả mạo hoặc phá hủy hồ sơ và dữ liệu dịch vụ.

第三人破解使用網路銀行系統之保護措施或利用網路銀行系統之漏洞爭議，由貴行就該事實不存在負舉證責任。第三人入侵貴行之電腦或相關設備者所發生之損害，由貴行負擔。

Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh sau khi bên thứ ba khắc phục các biện pháp bảo vệ hệ thống ngân hàng trực tuyến hoặc tận dụng các lỗ hổng trong hệ thống ngân hàng trực tuyến, Ngân hàng sẽ phải chịu trách nhiệm cung cấp bằng chứng cho thấy sự thật đó không tồn tại. Ngân hàng sẽ phải chịu trách nhiệm cho mọi thiệt hại xảy ra sau khi bên thứ ba tấn công máy tính hoặc thiết bị có liên quan của Ngân hàng.

立約人對本項業務資訊應予妥善維護，不得有任何破壞或擅自轉接等不當行為。

Bên ký kết phải duy trì việc bảo mật đúng cách các thông tin dịch vụ có liên quan và không được tham gia vào bất kỳ hành vi không phù hợp nào như hành động phá hoại hoặc chuyển đổi không đúng cách.

貴行將定期對於相關網路銀行系統進行弱點/漏洞掃描：

Ngân hàng đã tiến hành quét lỗ hổng / điểm yếu định kỳ đối với hệ thống ngân hàng trực tuyến liên quan như sau:

1. 掃描頻率：每年至少掃描整體系統一次，若涉及連網之元件則至少每 6 個月掃描一次；並依貴行評估不定期追加掃描次數。

1. Tần suất quét: Ít nhất quét toàn bộ hệ thống một lần mỗi năm, nếu bao gồm các thành phần kết nối mạng thì ít nhất quét mỗi 6 tháng một lần; đồng thời, theo đánh giá của Ngân hàng sẽ bổ sung thêm các lần quét không định kỳ.

2. 按照 CVSS v4 或同等標準評核掃描結果，相關風險等級與修補時限如下：

2. Theo tiêu chuẩn CVSS phiên bản 4 hoặc tiêu chuẩn tương đương để đánh giá kết quả quét, mức độ rủi ro liên quan và thời hạn khắc phục như sau:

a) 嚴重 (Critical)/ 嚴重 (Critical)

連網元件：1 個工作日內修補，或採取相同等級之緩解措施；

Thành phần kết nối mạng: khắc phục trong vòng 1 ngày làm việc hoặc áp dụng biện pháp giảm thiểu tương đương;

其他元件：1 個月內完成修補或隔離。

Các thành phần khác: hoàn tất khắc phục hoặc cách ly trong vòng 1 tháng.

b) 高風險 (High)/ 高風險 (High)

連網元件：1 個工作日內修補，或採取相同等級之緩解措施；

Thành phần kết nối mạng: khắc phục trong vòng 1 ngày làm việc hoặc áp dụng biện pháp giảm thiểu tương đương;

其他元件：2 個月內修補或隔離。

Các thành phần khác: khắc phục hoặc cách ly trong vòng 2 tháng

c) 中等/低風險 (Medium/Low)/ 中等/低風險 (Medium/Low)

由貴行資訊安全單位依照風險程度進行評估。

Đơn vị An toàn thông tin của Ngân hàng sẽ đánh giá dựa trên mức độ rủi ro tương ứng.

任何新功能或新版本在營運環境上線前，須完成弱點掃描。若掃描結果出現高風險(含)以上漏洞未被修補或降級，貴行將禁止上版。

Mọi tính năng mới hoặc phiên bản mới trước khi triển khai trên môi trường vận hành đều phải hoàn tất quét lỗ hổng. Nếu kết quả quét phát hiện các lỗ hổng có mức rủi ro cao trở lên mà chưa được khắc phục hoặc hạ cấp, Ngân hàng sẽ cấm việc cập nhật lên phiên bản mới.

若因技術或其他因素無法於前述時限內完成修補者，貴行將會於期限屆滿前提交臨時緩解方案，並 24 小時不間斷地強化監控。*Nếu do lý do kỹ thuật hoặc các nguyên nhân khác không thể hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn nêu trên, Ngân hàng sẽ trình bày phương án giảm thiểu tạm thời trước khi hết hạn và thực hiện giám sát tăng cường 24x7.*

若越南國家銀行或其他主管機關修訂前述修補時限或評級標準，貴行應優先適用更新後之規範，本條款得由貴行公告即時調整，且該調整不被視為對立約人不利之契約變更。

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc các cơ quan quản lý khác cập nhật thời hạn khắc phục hoặc tiêu chuẩn xếp hạng, thì sẽ ưu tiên áp dụng quy định mới; điều khoản này có thể được điều chỉnh ngay lập tức bởi Ngân hàng và không được coi là thay đổi hợp đồng bất lợi cho người ký kết.

第二十八條 /Điều 28 保密義務/Nhiệm vụ bảo mật

除其他法律規定外，貴行及立約人應確保所交換之電子文件或一方因使用或執行本約定之服務而取得他方之資料，不洩漏予第三人，亦不可使用於與本約定無關之目的，且於經他方同意告知第三人時，應使第三人負本條之保密義務。

Trừ khi áp dụng các yêu cầu pháp lý khác, Ngân hàng và bên ký kết không được cho phép trao đổi bất kỳ thông tin nào có được từ bên kia bằng tài liệu điện tử hoặc sử dụng hoặc thực hiện các dịch vụ được quy định trong thỏa thuận này cho bên thứ ba, bị rò rỉ cho bên thứ ba, không sử dụng thông tin đó cho các mục đích không liên quan đến các điều khoản này và phải đảm bảo rằng bên thứ ba duy trì các nghĩa vụ bảo mật trong điều khoản này sau khi bên kia đã đồng ý cho phép cung cấp thông tin đó cho bên thứ ba.

前項第三人如不遵守此保密義務者，視為立約人義務之違反。

Nếu bên thứ ba trong đoạn nói trên không duy trì các nghĩa vụ bảo mật này, thì đó sẽ được coi là vi phạm nghĩa vụ của bên ký kết.

立約人知悉其向貴行所申請之網路銀行及相關帳務系統係委由玉山銀行臺灣總行資訊處進行開發與維護，貴行將確保總行資訊處針對顧客資料及交易紀錄之儲存及運用設有必要之安全管控措施，以保障客戶資料之機密與完整性。

Bên ký kết ý thức được rằng Phòng Công nghệ Thông tin của trụ sở Ngân hàng Thương mại E.SUN tại Đài Loan đã triển khai và duy trì hệ thống kế toán ngân hàng trực tuyến và có liên quan đã áp dụng cho Ngân hàng để sử dụng và Ngân hàng sẽ đảm bảo rằng việc lưu trữ và sử dụng Thông tin khách hàng và hồ sơ giao dịch của Phòng Công nghệ Thông tin của trụ sở chính được bảo vệ bằng các biện pháp kiểm soát bảo mật cần thiết để đảm bảo bí mật và tính toàn vẹn của thông tin khách hàng.

第二十九條 /Điều 29 銀行免責/Điều khoản miễn trừ của ngân hàng

貴行或立約人就本約定所生義務之不履行或遲延履行，而致他方受有損害時，應負損害賠償責任。但因不可抗力所致者不在此限。

Nếu Ngân hàng hoặc bên ký kết không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện nhiệm vụ của mình theo thỏa thuận này và do đó gây thiệt hại cho bên kia, thì phải chịu trách nhiệm bồi thường. Tuy nhiên, yêu cầu này sẽ không được áp dụng khi tình huống này là do sự kiện bất khả kháng.

貴行對未依程序傳送之資料訊息無依其行事之義務，且貴行對於立約人之錯誤、漏失或資料訊息重覆傳送之情事亦無需負責。

Ngân hàng không có trách nhiệm hành động đối với thông tin không được truyền tải theo quy trình và không cần chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các lỗi, thiếu sót hoặc thông tin được truyền tải thừa của bên ký kết.

貴行將考慮適用的任何法律、規則、規例、指引、通告、行為守則及通行的市場慣例，採取合理可行的步驟以確保其有關網路銀行服務之系統已裝置足夠的保安設施，並且於運作系統時，對有關風險加以監控。

Ngân hàng phải tiến hành các bước hợp lý và khả thi để đảm bảo rằng các hệ thống liên quan đến việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trực tuyến có liên quan được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo mật căn cứ vào luật pháp, quy định, quy tắc, hướng dẫn, thông báo, quy tắc ứng xử và thực tiễn thị trường được chấp nhận chung, và giám sát và kiểm soát các rủi ro liên quan trong các hệ thống điều hành của ngân hàng trực tuyến.

貴行或任何資訊供應者，均不保證或聲明網路銀行服務、資訊及報告不帶有任何可能損害立約人之硬體、軟體或設備之病毒或其他問題。

Cả Ngân hàng và bất kỳ nhà cung cấp thông tin nào cũng đều không có nghĩa vụ đảm bảo hoặc tuyên bố rằng dịch vụ, thông tin hoặc báo cáo ngân hàng trực tuyến không chứa bất kỳ vi-rút hoặc các vấn đề nào khác có thể gây hại cho phần cứng, phần mềm hoặc thiết bị của bên ký kết.

除非由於貴行、其負責人或職員嚴重疏忽或蓄意違規所引起（即使在此情況下，有關的賠償亦僅限於純粹因此而直接導致的直接及合理預期的損害（如有）或有關交易的金額（以較低者為準），否則貴行一概不就因下列各項而產生或與其有關之後果，而向立約人或任何其他人士承擔任何賠償責任或責任：

Ngoài các trường hợp sơ suất nghiêm trọng hoặc cố ý vi phạm các quy định của Ngân hàng, người chịu trách nhiệm hoặc nhân viên của ngân hàng (ngay cả trong những trường hợp này, khoản bồi thường có liên quan sẽ được giới hạn ở mức thiệt hại trực tiếp và hợp lý (nếu có) hoàn toàn do các nguyên nhân này hoặc số lượng giao dịch có liên quan (bất cứ khi nào là thấp nhất)), Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm mà không có ngoại lệ cho bất kỳ khoản bồi thường hoặc trách nhiệm nào khác đối với bên ký kết hoặc bên khác về các hậu quả phát sinh hoặc liên quan đến các vấn đề sau:

一、因立約人或任何其他人士（不論經授權與否）使用網路銀行服務及/或查閱任何資料；

Sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến và/hoặc truy vấn bất kỳ thông tin nào của bên ký kết hoặc bất kỳ bên nào khác (bất kể được ủy quyền);

二、提供網路銀行服務、或傳送有關網路銀行服務的指示或資料、或連接網站時，因任何行為、疏忽或在貴行合理控制範圍以外之處境，包括但不限於任何通訊網絡失靈、任何第三方服務供應商的行為或疏忽、機器失靈、電力中斷、功能失效、損壞、或設備、安裝或設施不足、或任何法律、規則、規例、守則、指令、監管指引或政府命令（不論是否具有法律效力），而導致任何中斷、阻礙、暫停、延誤、損失、無法使用、損毀或其他失靈情況；及

Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng trực tuyến, hoặc truyền tải các hướng dẫn hoặc thông tin được kết nối với dịch vụ ngân hàng trực tuyến hoặc liên kết với trang web, nếu có bất kỳ hành vi, sơ suất hoặc trường hợp nào ngoài phạm vi kiểm soát hợp lý của Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ trục trặc của mạng truyền thông, bất kỳ hành vi hoặc sơ suất nào từ phía nhà cung cấp dịch vụ bên thứ ba, sự cố thiết bị, mất điện, mất hiệu lực tính năng, hư hỏng, hoặc thiết bị không đủ, lắp đặt, hoặc cơ sở, hoặc bất kỳ luật, quy định, quy tắc, hướng dẫn, chỉ thị, giám sát hướng dẫn, hoặc lệnh của chính phủ (bất kể có hay không có hiệu lực pháp lý), gây ra bất kỳ sự gián đoạn, tắc nghẽn, chậm, tạm dừng, chậm trễ, mất mát, không thể sử dụng hệ thống, phá hỏng hoặc các lỗi khác; và

三、透過任何通訊網絡供應者的任何系統、設備或儀器被傳送，及/或儲存有關立約人、網路銀行服務及/或立約人利用網路銀行服務進行的任何交易或買賣之任何資料及/或數據。

Mọi thông tin và/hoặc dữ liệu được truyền và/hoặc lưu trữ bởi bất kỳ hệ thống, thiết bị hoặc công cụ nào thuộc nhà cung cấp mạng truyền thông liên quan đến bên ký kết hoặc dịch vụ ngân hàng trực tuyến và/hoặc liên quan đến bất kỳ giao dịch hoặc bán hàng nào được thực hiện bởi bên ký kết sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến.

四、在任何情況下，貴行或任何資訊供應者均不會就任何偶發性、間接、特殊、衍生或懲罰性的損害賠償，包括但不限於有關使用、收入、利潤或存款的任何損失，對客戶或任何其他人士承擔任何責任。

Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, Ngân hàng hoặc bất kỳ nhà cung cấp thông tin nào cũng không phải chịu bất kỳ khoản bồi thường nào cho các tổn thất do vô tình, gián tiếp, đặc biệt, phát sinh hoặc trừng phạt, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc sử dụng, thu nhập, lợi nhuận hoặc tổn thất tiền gửi, hoặc các khoản nợ đối với khách hàng hoặc bất kỳ cá nhân nào khác.

第三十條 /Điều 30 不可抗力/Bất khả kháng

貴行或立約人就本約定所生義務之不履行或遲延履行，而致他方受有損害時，應負損害賠償責任。但因不可抗力所致者，不在此限。

Nếu Ngân hàng hoặc bên ký kết không thực hiện hoặc trì hoãn thực hiện nhiệm vụ của mình theo thỏa thuận này và do đó gây thiệt hại cho bên kia, thì Ngân hàng hoặc bên ký kết phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng cho các thiệt hại phát sinh trong trường hợp bất khả kháng.

前項所稱之不可抗力，指因天災、罷工、停工、政府法令限制、或其他任何貴行所不能控制之情事。

Trong đoạn văn trên, bất khả kháng có nghĩa là thảm họa tự nhiên, đình công, đình chỉ công việc, lệnh hạn chế của chính phủ và bất kỳ trường hợp nào khác ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng.

第三十一條 /Điều 31 紀錄保存/Lưu trữ hồ sơ

貴行及立約人應保存所有交易指示類電子文件紀錄，並應確保其真實性及完整性。

Ngân hàng và bên ký kết phải lưu giữ tất cả các hồ sơ tài liệu điện tử bao gồm các hướng dẫn giao dịch và phải đảm bảo tính trung thực và toàn vẹn của các tài liệu này.

貴行對前項紀錄之保存，應盡善良管理人之注意義務。保存期限至少為五年。

Ngân hàng phải thực hiện tốt đối với việc bảo quản các hồ sơ được quy định trong đoạn trên. Thời gian lưu trữ hồ sơ ít nhất là 5 năm.

第三十二條 /Điều 32 電子文件之效力/Hiệu lực của tài liệu điện tử

貴行及立約人同意依本約定交換之電子文件，其效力與書面文件相同。

Ngân hàng và bên ký kết đồng ý rằng các tài liệu điện tử được trao đổi theo thỏa thuận này sẽ có hiệu lực tương đương với các tài liệu bằng văn bản.

第三十三條 /Điều 33 系統持續營運承諾/Cam kết duy trì hoạt động liên tục của hệ thống

除因不可抗力事件（含但不限於戰爭、天災、國家級電信骨幹故障）或貴行於預定維護／升級前 24 小時公告者外，貴行網路銀行（含網頁版、行動應用程式）之單次非預警服務中斷時間不得逾 24 小時。

Trừ các trường hợp bất khả kháng (bao gồm nhưng không giới hạn chiến tranh, thiên tai, sự cố hạ tầng viễn thông quốc gia cấp độ quốc gia) hoặc Ngân hàng đã thông báo trước ít nhất 24 giờ về việc bảo trì / nâng cấp theo kế hoạch, thời gian gián đoạn dịch vụ không báo trước mỗi lần của dịch vụ ngân hàng trực tuyến (bao gồm phiên bản web và ứng dụng di động) không được vượt quá 24 giờ.

前項所稱非預警服務中斷之年度累計總時長，於同一曆年內不得逾 3 天。

Tổng thời gian gián đoạn dịch vụ không báo trước theo quy định trên trong một năm dương lịch không được vượt quá 3 ngày.

貴行已依越南相關規定建置災難備援及營運持續計畫，並至少每 12 個月進行一次整體演練；相關紀錄得依主管機關要求提供查驗。

Ngân hàng đã xây dựng kế hoạch dự phòng thảm họa và kế hoạch duy trì hoạt động liên tục theo quy định của Việt Nam, và thực hiện diễn tập tổng thể ít nhất 1 lần mỗi 12 tháng; hồ sơ liên quan sẽ được cung cấp để kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

第三十四條 / Điều 34 立約人終止契約/Chấm dứt thỏa thuận bởi bên ký kết

立約人得隨時終止本約定，但應親自或依貴行約定方式辦理。

Bên ký kết có thể chấm dứt thỏa thuận này bất cứ lúc nào, tuy nhiên phải thực hiện chấm dứt trực tiếp hoặc sử dụng phương thức do Ngân hàng quy định.

第三十五條 / Điều 35 貴行終止契約/Chấm dứt thỏa thuận bởi Ngân hàng

貴行終止本約定時，須於終止日三十日前以書面通知立約人。但立約人如有下列情事之一者，貴行得隨時以書面或其他約定方式通知立約人終止本約定：

Trường hợp Ngân hàng muốn chấm dứt thỏa thuận này, Ngân hàng phải thông báo cho bên ký kết bằng văn bản ít nhất 30 ngày trước ngày chấm dứt. Tuy nhiên, Ngân hàng có thể thông báo cho bên ký kết bằng văn bản hoặc sử dụng các phương tiện đã thỏa thuận khác về việc chấm dứt thỏa thuận này nếu bên ký kết có bất kỳ trường hợp nào sau đây:

一、立約人未經貴行同意，擅自將契約之權利或義務轉讓第三人者。

Bên ký kết có tình chuyển nhượng các quyền hoặc nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận cho bên thứ ba mà không có được sự đồng ý của Ngân hàng.

二、立約人企圖利用本項業務處理他人資料或有不良使用紀錄，或有大額或大量異常交易或有使用模擬程式、木馬程式及病毒程式等任何破壞、不當行為時。

Bên ký kết cố gắng sử dụng dịch vụ này để xử lý dữ liệu của bên thứ ba hoặc có hồ sơ sử dụng xấu hoặc có khoản tiền lớn hoặc số lượng lớn giao dịch bất thường hoặc tham gia vào bất kỳ hành vi phá hoại hoặc mờ ám nào, chẳng hạn như sử dụng mô phỏng chương trình, chương Trojan hoặc virus độc hại cho máy tính.

三、立約人受法院破產或重整宣告，或立約人自行或經他人提出破產、清算、解散或重整之申請者。

Bên ký kết đã bị tòa án tuyên bố phá sản hoặc tái tổ chức, hoặc đã tự nộp hoặc thông qua bên thứ ba nộp đơn xin phá sản, thanh lý, giải thể hoặc tái tổ chức.

四、立約人違反法律或其他相關法規者，或帳戶被用作(或疑似用作)不法用途者。

Bên ký kết đã vi phạm luật pháp hoặc các đạo luật liên quan khác, hoặc tài khoản của họ đã bị sử dụng (hoặc bị nghi ngờ sử dụng) cho các mục đích bất hợp pháp.

五、立約人已結清與貴行一切存放款業務往來者。

Bên ký kết đã giải quyết tất cả các thư từ dịch vụ cho vay và tiền gửi với Ngân hàng.

六、立約人違反本約定之約款，經催告改善或限期請求履行未果者。

Bên ký kết đã vi phạm các điều khoản của thỏa thuận này và đã không sửa chữa sau khi được khuyến khích sửa lỗi hoặc yêu cầu thực hiện thỏa thuận trong một khoảng thời gian có giới hạn.

七、經貴行研判有疑似遭歹徒作為人頭帳戶犯罪，或有其他不法或不當使用之情事或依「存款帳戶及其疑似不法或顯屬異常交易管理辦法」之分類標準認定為疑似不法或顯屬異常交易者。

Ngân hàng đã phân xét rằng tội phạm đang sử dụng tài khoản với bên ký kết như một kẻ đứng đầu để thực hiện hành vi phạm tội hoặc bằng cách khác sử dụng bất hợp pháp hoặc không đúng cách hoặc các giao dịch bị nghi ngờ là bất hợp pháp hoặc bất thường theo tiêu chuẩn phân loại của "Quy định quản lý Tài khoản tiền gửi và giao dịch đáng ngờ hoặc bất thường" đã xây ra.

八、依「銀行防制洗錢及打擊資恐注意事項範本」之規定，經認定為受資恐防制法指定制裁之個人、法人或團體，以及外國政府或國際洗錢防制組織認定或追查之恐怖分子或團體者；且如不配合貴行審視、拒絕提供實質受益人或對立約人行使控制權之人等資訊、對交易之性質與目的或資金來源不願配合說明等情事。

Theo các quy định của "Mẫu chỉ đạo quản lý phòng chống rửa tiền và chống lại khủng bố tài chính của các ngân hàng", người ta đã đánh giá rằng bên ký kết là một cá nhân, pháp nhân hoặc nhóm bị xử phạt theo Đạo luật phòng chống khủng bố tài chính, hoặc một nhóm khủng bố hoặc cá nhân khủng bố được xác định hoặc bị truy nã bởi một chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức phòng chống rửa tiền quốc tế; hoặc bên ký kết đã từ chối cung cấp thông tin liên quan đến người thụ hưởng hoặc người thực hiện quyền kiểm soát đối với bên ký kết kết hợp với việc kiểm tra của Ngân hàng hoặc không muốn cung cấp giải thích về bản chất hoặc mục đích của giao dịch hoặc nguồn vốn.

九、其他貴行認為合理得終止本約定書者。

Các vấn đề khác mà Ngân hàng coi là căn cứ hợp lý để chấm dứt thỏa thuận này.

第三十六條 / Điều 36 往來印鑑約定說明/Lưu ý về việc sử dụng con dấu

立約人為向貴行申請使用網路銀行服務，茲約定於立約人註銷使用貴行網路銀行服務前，除約定轉出帳戶須蓋用該帳戶於貴行之存款立約印鑑外，其餘立約人與貴行間因網路銀行服務所生之契據及書類，包括申請使用、密碼重設及安控機制申請/異動約定時需簽蓋立約印鑑始生效力。

Đã nộp đơn cho Ngân hàng để sử dụng các dịch vụ ngân hàng trực tuyến, cho đến khi bên ký kết hủy sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến của Ngân hàng, ngoài việc sử dụng con dấu tương ứng với mẫu con dấu gốc còn lại với Ngân hàng cho một tài khoản người thanh toán được chỉ định, tất cả các hợp đồng và tài liệu khác phát sinh từ các dịch vụ ngân hàng trực tuyến giữa bên ký kết và Ngân hàng, bao gồm đơn đăng ký, đặt lại mật khẩu và các tài liệu đăng ký/thay đổi cơ chế kiểm soát bảo mật, phải được đóng dấu hợp đồng của bên ký kết trước khi có hiệu lực.

如立約人名稱、組織、章程內容、印鑑、代表人、代表人權限範圍或其他足以影響貴行權益變更情事發生時，即應立即以書面將變更情事通知貴行，並辦妥變更或註銷上述原留印鑑/立約印鑑之手續，未經書面通知或未完成變更或註銷原留印鑑/立約印鑑之手續前與貴行所為之行為，立約人均願負一切責任，如因而造成貴行損害並願負賠償責任。

Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về tên hoặc tổ chức của bên ký kết, nội dung của các điều khoản hợp nhất, con dấu công ty, đại diện, phạm vi quyền hạn của đại diện hoặc các vấn đề khác ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng, bên ký kết phải ngay lập tức thông báo cho Ngân hàng về sự thay đổi đó bằng văn bản và phải xử lý đúng cách những thay đổi đó hoặc thực hiện các thủ tục hủy bỏ đối với mẫu con dấu/con dấu hợp đồng ban đầu đã nêu ở trên. Bên ký kết phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Ngân hàng cho bất kỳ hành động

nào được thực hiện trước khi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng hoặc trước khi hoàn tất các thủ tục thay đổi hoặc hủy bỏ mẫu con dấu/ con dấu hợp đồng ban đầu của mình và phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bất kỳ tổn thất do hậu quả gây ra mà Ngân hàng phải chịu.

第三十七條 /Điều 37 契約修訂/Sửa đổi thỏa thuận

本契約條款如有修改或增刪時，貴行得以書面或以顯著方式於貴行營業場所或網站上公告，以代通知，立約人於七日（日曆日）內不為異議者，視為承認該修改或增刪約款。

Nếu bất kỳ điều khoản nào của thỏa thuận này cần phải được sửa đổi, bổ sung hoặc xóa, Ngân hàng có thể gửi thông báo bằng văn bản hoặc đưa ra thông báo bằng bất kỳ phương thức nổi bật nào trên trang web của Ngân hàng hoặc tại địa điểm kinh doanh thay cho thông báo và đảm bảo rằng bên ký kết đã chấp nhận (các) điều khoản đã sửa đổi, bổ sung hoặc xóa nếu không đưa ra bất kỳ phản đối nào trong vòng 7 ngày.

本約定如有未盡事宜，得經貴行及立約人協議，以書面補充或修正之。

Tất cả các vấn đề khác không được quy định trong các điều khoản này có thể được thêm vào thỏa thuận này, hoặc bao gồm thông qua các sửa đổi, sau khi Ngân hàng và bên ký kết đã đạt được thỏa thuận.

第三十八條 /Điều 38 文書送達/Bản giao Hồ sơ

立約人同意以留存於貴行之地址/電子郵件信箱為相關文書之送達處所，倘立約人變更應即以書面或其他約定方式通知貴行，並同意改依變更後之地址/電子郵件信箱為送達處所；如立約人未以書面或依約定方式通知變更地址/電子郵件信箱時，其變更對貴行不生效力，貴行仍以原留存於貴行之地址/電子郵件信箱或最後通知銀行之地址/電子郵件信箱為送達處所。

Bên ký kết đồng ý rằng địa chỉ/địa chỉ e-mail cung cấp cho Ngân hàng sẽ là địa chỉ liên lạc để gửi các hồ sơ liên quan. Nếu bên ký kết thực hiện bất kỳ thay đổi nào đối với các địa chỉ này, cần phải thông báo bằng văn bản hoặc sử dụng một số phương tiện thông báo đã thỏa thuận khác và đồng ý lấy địa chỉ/địa chỉ email đã thay đổi làm địa chỉ liên lạc để bàn giao hồ sơ. Nếu bên ký kết không thông báo cho Ngân hàng về việc thay đổi địa chỉ/địa chỉ email bằng văn bản hoặc sử dụng một phương tiện thông báo đã thỏa thuận khác, thay đổi đó sẽ không có hiệu lực và Ngân hàng có thể tiếp tục sử dụng địa chỉ/địa chỉ e-mail mà Bên ký kết đã cung cấp cho Ngân hàng hoặc địa chỉ/địa chỉ e-mail mà Ngân hàng nhận được qua thông báo lần cuối từ Bên ký kết làm địa chỉ liên lạc để gửi hồ sơ liên quan.

貴行不得在未經立約人同意的情況下，透過簡訊或電子郵件寄送含有超連結的訊息。

Ngân hàng không được gửi tin nhắn chứa liên kết qua SMS hoặc email cho người ký kết nếu không có sự đồng ý trước của người ký kết.

第三十九條 /Điều 39 法令適用及法院管轄/Luật áp dụng và Tòa án tài phán

本約定適用越南法律條款，並按其詮釋。

貴行及立約定書人同意受越南法院的司法管轄權，但本約定亦可在任何其他擁有司法管轄權的法院執行。

Thỏa thuận này tuân thủ và được áp dụng và được giải thích theo Luật pháp Việt Nam.

Ngân hàng và bên ký kết đồng ý chấp nhận quyền tài phán tư pháp của Tòa án Việt Nam, tuy nhiên các điều khoản của thỏa thuận này cũng có thể được thực hiện tại một tòa án khác có quyền tài phán.

第四十條 /Điều 40 標題/Tiêu đề

本契約各條標題，僅為查閱方便而設，不影響契約有關條款之解釋、說明及瞭解。

Các tiêu đề cho các điều khoản của thỏa thuận này được sử dụng chỉ nhằm mục đích tạo thuận lợi cho việc đọc, và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích và hiểu các điều khoản của thỏa thuận này.